

# ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH TÙY SỞ DIỄN NGHĨA SAO

## QUYỂN 18

*Tiết thứ bốn: **Hiển bày riêng về tính chất tôn nghiêm của Xứ***

Văn nơi phần này gồm hai phần chính:

Một, Giải thích chung về trước sau.

Hai, Giải thích riêng về khí thế gian.

Trong phần một:

- Số câu: “Tức Y báo, Chánh báo của Như Lai”: Là hiển bày riêng về tính chất tôn nghiêm của Xứ, là y báo. Bạc giáo chủ khó nghĩ bàn là chánh báo. Vô số vô lượng chúng vân tập đến là chúng hội. Mà nói “Hỗ trợ luôn đầy đủ”, tức sự hỗ trợ của Bồ tát, trong mười tám thứ viên mãn, luôn đầy đủ không hề thiếu, là quyển thuộc viên mãn. Đó là trong cõi Tịnh không có bốn nẻo (Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh, A-tu-la), các chúng Rồng, Quỷ v.v... là do sự hóa hiện của Phật mà có, nhằm chỉ rõ cõi Tịnh không hề thiếu.

- Số từ câu: “Nay, thứ nhất là sự tôn nghiêm của khí thế gian” tiếp xuống: Là phần hai, giải thích riêng về khí thế gian. Văn được chia làm năm:

Một: Nhận định chung.

Hai: Từ câu: “Nhưng các điều tôn nghiêm ấy mỗi thứ đều có ba giải thích” tiếp xuống: Là giải thích, chỉ rõ về nghi thức. Tức mỗi thứ đều có ba. (Ba giải thích là: Một: căn cứ nơi sự. Hai: Biểu thị cho pháp. Ba: Dựa theo nhân hành).

Ba: Từ câu: “Tuy vậy, hoặc một nhân hành thành” tiếp xuống: Là thông tỏ chỗ vướng mắc do vấn nạn. Nghĩa là có người nêu vấn nạn: “Nhân quả viên dung, vậy tại sao theo Nhân thì chỗ biểu hiện của nó đều khác biệt?” Nên nay cần giải thích: Thật sự thì gồm đủ bốn câu, do căn cứ nơi đối tượng được biểu hiện, nên thuộc riêng về Nhân. Nhưng chung riêng vốn không ngăn ngại. Bốn câu là:

- Một nhân hành thành, tất cả tôn nghiêm.
- Tất cả hành thành, một tôn nghiêm.
- Một hành thành, một tôn nghiêm.
- Tất cả hành thành, Tất cả tôn nghiêm.)

Bốn: Từ câu “Rõ ràng là đều thâu tóm đức đến vô tận” tiếp xuống: Là nhận định chung về bốn sự. (Bốn sự là đất trang nghiêm, cây trang nghiêm, Cung điện và Tòa sư tử đều trang nghiêm).

- Sơ từ câu: “Nay, thứ nhất là mười câu nơi đất của Tâm (Tâm địa) được phân làm bốn” tiếp xuống: Là phân năm, giải thích văn gốc. Bốn phần được phân là:

Một: Hiển bày chung về Thể của địa.

Hai: Tướng của địa nơi bốn sự đều gồm đủ đức.

Ba: Trên địa của bốn sự đều gồm đủ sự tôn nghiêm.

Bốn: Nêu lên nhân để tóm kết về dụng.

Nói: “Thấu triệt khắp Hoa Tạng”: Là do biến thể giới Hoa Tạng, nơi mặt đất có hoa sen lớn, do kim cương tạo thành. Đây là dựa nơi kinh chính. Nếu dựa theo kinh Quán Phật Tam Muội Hải, quyển thứ hai, thì cũng khác với thuyết thông thường, mà chưa đạt tới hết cội nguồn, Kinh nói: “Bấy giờ, đất nơi Bồ đề đạo tràng hóa thành kim cương, phủ đầy khắp tám mươi dặm, thuần một màu trắng tinh, chẳng thể thấy hết. Lúc hiện ra tướng ấy, nơi giữa chạng lờng mây của Bồ tát phóng ra hào quang, hình tướng đoan nghiêm, tươi đẹp, đứng thẳng, sừng sững, hướng về phương Đông, dài một trượng năm thước, hiện rõ mười góc...”

**Giải thích:** Đã có số lượng dặm lại nói biến hóa thành, nên chẳng phải là nêu bày tột bậc.

- Sơ câu: “Hoặc ở trong cây hiện ra”: Do trong phần giải thích riêng ở trên, phần thứ tư có nêu ra “hàng cây báu”.

Nói “Hoặc ở trên các vật trang nghiêm cùng trong đất hiện ra”: Do chỗ tán thán về tính chất thù thắng, hơn hết của đất.

Hai là sự tôn nghiêm của cây Bồ đề. (Một là sự tôn nghiêm của đất).

- Sơ câu: “Cao lớn chót vót...” (Trường tủng giả): Tức “Trường tủng” là cao. “Lộ ra rất xa” là giải thích về chỗ hiển bày. “Vi diệu viên mãn” là giải thích sự thù thắng. Cho nên “riêng một mình hiện ra” là tính chất đặc biệt. Xét theo sách “Tây Vực Ký”, cao một trăm thước tức cây Tát Bát La.

- Sơ câu: “Biểu hiện các pháp thần thông v.v..”: Tức như Phẩm Tịnh Hạnh có đoạn.

*“Như thấy hoa nở  
 Nguyện cho chúng sinh  
 Các pháp thân thông  
 Như hoa nở rộ.”*

Sớ câu: “Phần sau của kinh nêu:

*“Cây pháp diệu Bồ tát  
 Sinh nơi đất tâm lành v.v...”*  
 (Bồ tát diệu pháp thọ  
 Sinh ở trực tâm địa đẳng)

thì chữ “đẳng” là chỉ cho phần văn tiếp theo:

*“Giống Tín, rễ Từ bi  
 Dùng Trí tuệ dùng làm thân  
 Phương tiện là cành, gốc  
 Năm Độ là sum suê  
 Lá Định, hoa thân thông  
 Quả là Nhất Thiết Trí  
 Lực tối thượng là chim  
 Phủ che khắp ba cõi.”*

**Giải thích:** Sớ dĩ dẫn đoạn kinh nơi quyển thứ năm mươi bốn này, ý nhằm nêu rõ là pháp được biểu hiện, đều có văn làm chỗ dựa, chẳng phải là lời suy đoán suông.

- Sớ câu: “Trí Bồ đề phóng ra ánh sáng của giáo Trí”: Bồ đề tức là Trí của sự chứng đắc. Giáo là sự sai biệt nơi dụng. Cho đến nói Giáo tức là giáo, chứng hai nẻo. Sẽ được bàn rộng nơi Phẩm Thập Địa.

- Sớ câu: “Vô tâm nên nẻo hành trì thành tựu”: Đào Ân Cư (Đào Tiềm? 365-427) có câu:

*“Mây vô tâm mà hiện ra nơi ngọn núi  
 Chim bay mới nên biết rõ chỗ quay về”.*

Phàm nêu ra “mây” thì nghĩa tuy có nhiều thứ nhưng phần lớn là nói về “vô tâm”.

- Sớ câu: “Tức nêu rõ Niết-bàn và các bậc Thánh có sự tương hợp sâu xa”: Tức không có một vị Thánh nào là không chứng đắc Niết-bàn, cũng như trăm dòng sông đều đổ về biển cả. Đại sư Tăng Triệu viết: “An nhiên mà mệnh mông, vô vi mà rộng lớn. Là nơi chín dòng cùng kết hợp để quy về, các Thánh cùng thông hợp một cách sâu xa mẫu nhiệm!”

- Sớ câu: “Nhiễm thì trái với tịnh của tánh”: Tức nhằm thông tỏ chỗ vấn nạn. Vấn nạn nêu: “Niết-bàn đã không gì là không bao gồm,

nhiễm tịnh cùng ở trong ấy. Vậy sao diệu dụng của Quả thì nói có sinh khởi. Còn nơi chốn ở như nhà cửa thì không nói là có sinh khởi?”

Nên nay cần giải thích: Các pháp nhiễm tịnh, Niết-bàn đều bao gồm. Tịnh thì thuận với Thể, nhiễm thì trái với Thể. Chứng đắc nơi Niết-bàn thì mới có diệu dụng lớn, nên gọi là sinh khởi. Nhiễm đã trái với tịnh, nên đây chẳng phải là sinh khởi. Nhưng Thể chẳng lìa nên gọi là dựa vào đó mà hiện bày.

- Sở từ câu: “Nhưng chỗ biến hiện sung mãn khắp mười phương nêu trên” tiếp xuống: Trên là dung hợp khắp kinh văn. Phần tiếp xuống là kết hợp xác nhận tính chất vô ngại.

- Sở câu: “Mười thứ cung điện, ở đây nên nêu bày tỏ”: Cũng là căn cứ nơi cung điện để biểu hiện về pháp, giống như văn nói về cây pháp diệu đã dẫn ở trên, tức thuộc quyển thứ năm mươi bốn. Kinh nói: “Phật tử! Bồ tát có mười thứ cung điện. Những gì là mười? Đó là:

Tâm Bồ đề là cung điện của Bồ tát vì luôn không hề quên mất.

Mười nẻo nghiệp Thiện với phước đức trí tuệ là cung điện của Bồ tát, vì nhằm giáo hóa chúng sinh ở cõi dục.

Bốn Phạm trụ là cung điện của Bồ tát, vì nhằm giáo hóa chúng sinh ở cõi Sắc.

Sinh nơi cõi Trời Tịnh Cư là cung điện của Bồ tát, vì tất cả các thứ phiền não chẳng thể cấu nhiễm.

Sinh nơi cõi Vô Sắc là cung điện của Bồ tát, vì khiến cho các chúng sinh lìa bỏ xứ nạn.

Sinh nơi thế giới tạp nhiễm là cung điện của Bồ tát, vì nhằm khiến cho các chúng sinh đoạn trừ phiền não.

Hiện thân nơi chốn vương cung với vợ con quyến thuộc là cung điện của Bồ tát, vì nhằm thành tựu các chúng sinh cùng hạnh từ thuở xa xưa.

Hiện thân ở các ngôi vị Luân Vương, Hộ Thế, Đế Thích, Phạm vương, là cung điện của Bồ tát, vì nhằm điều phục chúng sinh, tâm luôn tự tại.

An trụ nơi tất cả hạnh Bồ tát với mọi thần thông diệu dụng đều được tự tại, là cung điện của Bồ tát, vì khéo thể hiện diệu dụng nơi các pháp thiền định giải thoát, Tam muội trí tuệ.

Tất cả chỗ Phật thọ ký về Nhất Thiết Trí vương quán đỉnh tự tại vô thượng, là cung điện của Bồ tát, vì an trụ nơi mười lực trang nghiêm, tạo hết thảy pháp tự tại.

Nếu các Bồ tát an trụ trong ấy thì đạt được pháp quán đỉnh với thần lực tự tại đối với tất cả thế gian.”

- Sớ câu: “Không, nên cao mà không gì hơn”: Văn nơi bản Sớ giải có ba nghĩa để giải thích về tính chất tôn nghiêm của Toà sư tử. Nay chỉ căn cứ vào chỗ pháp được biểu hiện để giải thích sự cao, rộng, vi diệu, tốt đẹp. Về sự thì có thể nhận biết. Phần tiếp dưới hầu hết đều theo tính chất biểu hiện.

- Sớ câu: “Các nẻo giác, nẻo thông”, tức như kinh Tịnh Danh có câu: “Hoa giác ý tịnh diệu”. Phẩm Tịnh Hạnh viết: “Thần thông các pháp, như hoa nở rộ”.

- Sớ câu: “Tức cây pháp diệu của Bồ tát, thuận theo sự hóa độ mà phân cành nhánh”: Là giải thích về cây báu với cành nhánh hoa Quả lớp lớp đan xen bày rõ. “Cây pháp diệu của Bồ tát” tức văn đã dẫn ở trước. Trước nói: “Phương tiện là cành, gốc”. Nay thì cho quyền, thật là cành, tùy theo cây không giống nhau mà phân ra cành nhánh sai biệt. Theo cành nhánh mà có hoa, mỗi mỗi hoa đều thành quả. Tùy nơi nhân có khác mà Quả cảm được chẳng đồng, đều dựa nơi vô tướng, chẳng lìa toà của pháp không.

- Sớ câu: “Trong mỗi mỗi Trí đều nhận biết tất cả pháp”: Tức như một Thật Trí nhận biết khắp mọi Lý của pháp giới. Như một Quyền Trí đạt tới biên vực tận cùng của Sự pháp giới, thì hai Trí sáng tỏ viên mãn, không gì là không nhận biết.

Nói “Nơi Thế của mỗi mỗi pháp hiển bày Nhất thiết trí”: Như ở nơi một cảnh giới có thể hiển bày đủ các Trí: Thật trí, Quyền trí, Trung đạo trí, Chứng trí, Giáo trí, Vô biên trí.

- Sớ “Luận Trí Độ nói: Ngọc báu của Luân vương..” Tức Luận Trí độ quyển thứ mười hai, nói: “Ngọc báu có ba thứ: Ngọc báu của người, ngọc báu của chư Thiên, ngọc báu của Bồ tát. Ngọc báu của người thì diệu lực ít, chỉ có màu sắc và ánh sáng trong suốt, có thể dứt trừ các độc hại, tẩm tối, quỷ dữ, cũng dứt trừ nhiều thứ khổ não như đói khát lạnh nóng. Ngọc báu của chư Thiên thì lớn và thù thắng hơn... Ngọc báu của Bồ tát thì hơn hẳn ngọc báu của chư Thiên, gồm luôn công dụng của hai thứ ngọc báu nơi người, trời, lại có thể khiến cho tất cả chúng sinh nhận biết về mọi gốc ngọn của nhân duyên luân hồi sinh tử, ví như tấm gương sáng, soi vào thì thấy rõ hình tướng mặt mày.

- Sớ câu: “Như trong mào đội của Bồ tát Văn Thù có ngọc báu Tỳ-lăng già”, tức nơi kinh Văn Thù Bát Nê Hoàn nói: “Thân tướng của Bồ tát Văn Thù như núi vàng ròng, nơi mào đội có ngọc báu Tỳ-lăng-

già, càng tôn vẻ trang nghiêm, đẹp đẽ, ngọc ấy có năm trăm thứ màu sắc, trong mỗi mỗi màu sắc thấy đều hiện rõ mặt trời, mặt trăng, các sao, cung điện của chư Thiên, Rồng, các sự việc ít thấy nơi chúng sinh ở thế gian v.v...

- Sở từ câu: “dùng thứ ấy để trang nghiêm nơi toà báu” tiếp xuống: Là nêu ra lý do của sự trang nghiêm.

Nói “Soi chiếu tĩnh lặng, tĩnh lặng toả sáng, đều toả chiếu thông hợp”: Là dựa theo kinh Anh Lạc. Bạc Diệu Giác mới gọi là soi chiếu tĩnh lặng. Bạc Đăng giác thì tĩnh lặng soi chiếu. Nay cho ngọc báu của Bồ tát nghĩa đồng với bạc Đăng giác, còn ngọc báu của Như Lai thì đồng với bạc Diệu giác.

- Sở câu: “ Cảnh giới của Phật như hư không, nên gọi là rộng lớn”:

Tức như Phẩm Vấn Minh nêu rõ:

*“Cảnh giới Như Lai sâu  
Dung lượng như hư không  
Hết thấy chúng sinh vào  
Mà thật không chốn vào.”*

- Sở từ câu: “Hiển bày giáo đều xuất phát từ pháp không” tiếp xuống: Trên là theo sự để nêu bày, phần tiếp dưới là căn cứ nơi tính chất biểu hiện, không một pháp nào mà không từ nơi pháp giới phát sinh. Không có một pháp nào không quy về nơi pháp giới. Cho nên từ nơi toà báu phát xuất, trở lại biến hiện khắp pháp giới.

*Tiết thứ năm: Tính chất khó nghĩ bàn của bậc Giáo chủ:*

- Sở từ câu: “Trước chỉ gọi là Phật” tiếp xuống: Là bàn về tính chất khó nghĩ bàn của bậc giáo chủ. Văn nơi bản Sở giải gồm hai phần chính:

Một: Làm rõ ý chính.

Hai: Từ câu: “Văn chia làm hai” tiếp xuống: Là chia chương. Trong phần một được chia làm hai chi tiết:

Thứ nhất: Nói kết chỗ phát sinh từ phần trước, đối chiếu với hai văn nêu trước: Một là đối chiếu việc nêu rõ chủ. Hai là đối chiếu với chỗ biện minh riêng về Thời phần.

Thứ hai: Từ câu: “Tức là gồm đủ mười thứ công đức sâu rộng” tiếp xuống: Là giải đáp chung. Một là giải đáp về Phật đã nêu trước. Hai là từ câu: “Biến hiện khắp ở pháp giới thành bậc chánh giác” tiếp xuống: Là giải đáp về tướng của sự thành tựu kia.

- Sở từ câu: “Nay, thứ nhất là biện giải chung tức thân Bồ đề” tiếp

xuống: Văn nơi bản Sở giải gồm ba phần:

Một: Theo tướng hiện có để biện giải. Tức Thân Bồ đề là chỉ rõ chung cho chỗ thuộc về, “gồm đủ vô tận công đức” là giải thích về Thế Tôn

Hai: Từ câu: “Lúc cùng hiện nơi toà” tiếp xuống: Là giải thích về “Lúc bấy giờ”.

Ba: Từ câu: “Ở nơi tất cả pháp” tiếp xuống: Là trở lại giải thích các văn khác. Trong phần này gồm hai lối giải thích: Một là theo tướng hiện có để giải thích, hai là nhờ vào sự đối chiếu để giải thích.

Nói “Mở bày, tỏ ngộ gọi là Giác”: Tức Lý trung đạo của Hai đế vốn an nhiên vắng lặng. Do vọng hoặc che phủ từ lâu nên mê mờ không thấy được. Nay, hai chướng đã dứt trừ, như mây tan, bầu trời minh mông hiện ra, nên gọi là mở bày (khai). Thấu đạt rõ ràng như bầu trời quang đấng, bao la, nên gọi là tỏ ngộ. Tỏ ngộ tức là giác ngộ, như tỉnh giấc ngủ mộng. Mở bày tức là mở ra, phát ra, như hoa sen nở.

- Sở từ câu: “Nếu làm rõ chỗ dị biệt” tiếp xuống: Là phần hai, nhờ vào sự đối chiếu để giải thích. Ở đây bao hàm hai ý:

Một: Đối với phàm phu gọi là Giác, đối với Tiểu gọi là Chánh, đối với Nhân gọi là Tối thượng, đối với chỗ tốt bậc của quả vị gọi là Thành.

Hai: Đối với phàm phu gọi là Giác, đối với tà gọi là Chánh, đối với Tiểu gọi là Tối thượng, đối với Nhân gọi là Thành.

Cùng một lúc nhắc lại cả hai, theo như văn có thể suy xét, nhận biết.

- Sở câu: “Chỉ tỏ ngộ ngã Không chưa rõ ngã có”: Nghĩa là xét về thể đối nhau thì so với Bồ tát thì tương phản. Hàng Nhị Thừa nhận biết Ngã không Pháp có. Còn Bồ tát thì nhận biết Pháp không Ngã có. Nhưng cái Ngã không của hàng Nhị Thừa thì Bồ tát cũng cho là không, cho đó là chấp ngã. Còn như trong pháp Vô ngã có “Chân Ngã” thì Bồ tát biết có, hàng Nhị Thừa thì không biết. Nếu chỉ căn cứ nơi hai không, thấu rõ Ngã không thì cùng với Bồ tát là đồng. Chẳng rõ Pháp không thì so với Bồ tát là khác.

- Sở câu: “Có sự chán lìa sanh tử, cho Niết-bàn là không”: Đây là nêu ra lỗi lầm của kiến giải không, có ở trên, do cho Pháp là có nên chán lìa sanh tử. Chẳng như Bồ tát thấu đạt tính chất gốc không của sanh tử, nên không chán bỏ. Kinh Tịnh Danh, Bồ tát Thiện ý nói: “Sinh tử, Niết-bàn là hai. Nếu thấy được bản tánh của sanh tử, thì không còn sanh tử, không buộc không mở, chẳng sinh chẳng diệt. Lãn hội như vậy là đi

vào pháp môn Bất nhị”. Lại, Bồ tát Bảo Ấn Tử nói: “Ưa thích Niết-bàn, chẳng ưa thích thế gian là hai. Nếu chẳng ưa thích Niết-bàn, chẳng chán lìa thế gian thì không còn có hai. Vì sao? Là vì nếu có bị trói buộc thì mới có cởi, mở. Còn vốn không trói buộc thì khỏi phải cởi, mở. Không buộc không mở tức không ưa thích, chán lìa. Đó là đi vào pháp môn Bất nhị”.

Hàng Nhị Thừa không thể lãnh hội như thế, nên chán lìa sinh tử. Nói “cho Niết-bàn là không”: Tức ý của kinh Niết-bàn, kinh nói: “Không, đó là sinh tử. Chẳng không, đó là đại Niết-bàn”. Nay hàng Nhị Thừa cho sinh tử là chẳng không, cho Niết-bàn vô dư hoàn toàn vắng lặng lại là không. Cho nên viết là: “Cho Niết-bàn là hoàn toàn không”

- Sở câu: “Điên đảo chưa dứt trừ” Diên đảo có tám thứ. Ngoại đạo cho thế gian là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Đó là bốn thứ điên đảo. Hàng Nhị Thừa chấp chỗ hoàn toàn vắng lặng cho là Niết-bàn, tức cho không có Thường Lạc Ngã Tịnh, là bốn điên đảo. Nếu cho thế gian không có Thường, Lạc Ngã, Tịnh, Niết-bàn mới có Thường Lạc Ngã Tịnh, thì gọi là tám Hành, đều chẳng phải là điên đảo. Như vậy, hàng Nhị Thừa chỉ hiểu bốn thứ điên đảo thuộc về không có tính chất Thường Lạc Ngã Tịnh nơi thế gian. Đây là dựa theo sự so sánh. Nếu phê phán triệt để hàng Nhị Thừa, thì hàng Nhị Thừa đã không thể nhận biết Niết-bàn với bốn tính chất Thường Lạc Ngã Tịnh, thì ở nơi không có Thường Lạc Ngã Tịnh, cũng không có được sự nhận biết đúng như thật, mà chỉ là thâm nhận một cách may rủi, tùy tiện, giống như sâu bọ đục thân cây ngẫu nhiên thành ra chữ. Huống chi, chẳng thấu đạt thật tánh của sinh tử tức là Niết-bàn, thì sao có thể lìa bỏ được tám thứ điên đảo? Nên gọi là “điên đảo chưa dứt trừ, há xứng là chánh”

- Sở câu: “Ví thuận gọi là Chánh thì cũng chưa được gọi là tối thượng”: Ở đây là đối với Tà gọi là Chánh, đối với Tiểu gọi là Tối thượng, do sự so sánh nêu trên, có thể nhận biết về Ngã không là khác với ngoại đạo, nên được gọi là Chánh. Chẳng thể nhận biết cả hai “ngã, pháp” đều không cùng với nghĩa chẳng không, nên chẳng được gọi là Tối thượng.

- Sở từ câu: “Bồ tát tuy là Chánh, nhưng còn có trên, có sự tu tập” tiếp xuống: Cũng có hai ý:

Trước, đối với hàng Nhị Thừa chẳng được gọi là Chánh. Nay đối với Bồ tát mới được gọi là Chánh. Có trên, tức có Phật. Có sự tu tập tức chưa dứt tuyệt sự tu học.

- Sở từ câu: “Ví như chỗ tốt bậc của quả vị” tiếp xuống: Đối với



hàng Nhị Thừa nêu trên, được gọi là Chánh, thì Bồ tát thuận hợp để được gọi là tối thượng, chỉ vì chưa thành tựu, nên Phật mới là Thành.

- Sở từ câu: “Chỉ có Phật là gồm đủ mọi khả năng” tiếp xuống: Là tóm kết quy về nơi Phật, có đủ nghĩa của bốn chữ “Thành Tối Chánh Giác”. Từ câu: “Nghĩa là như dung lượng như diệu lý” tiếp xuống: Là đối chiếu với cảnh giới của chỗ giác ngộ nêu trên để giải thích về nghĩa Giác. Đúng như dung lượng giác ngộ về Tục đế. Đúng như diệu lý giác ngộ về Chân đế. Trung đạo của ba đế cũng là chỗ thâm tóm của như Lý. Tức là kết hợp hai Trí giác nêu trên, đối với Trung đạo thông tỏ rốt ráo, làm rõ chỗ khác với Bồ tát. Cho nên kinh Niết-bàn nói: “Nhận thức của hàng Bồ tát mười Trụ là chưa hoàn toàn thấu đạt. Chỉ có Phật, Thế Tôn mới gọi là thấu đạt hoàn toàn, rốt ráo”. Kinh Xà Vương có câu: “Thấu đạt rõ Phật Tánh, Như đại sĩ Văn Thù”...

- Sở từ câu: “Đã ra khỏi chỗ vi tế nơi Sở tri chướng” tiếp xuống: Là giải thích câu: “Thấu đạt hoàn toàn, rốt ráo” nêu trên. Hai chướng (Phiền não chướng, Sở tri chướng) có ba thứ: Hiện hành, Chủng tử và Tập khí. Chủng tử, Tập khí gọi là vi tế. Phật đã dứt trừ sạch các thứ vi tế ấy. Tuy nhiên, tập khí của hai chướng kia, là chướng ngại chung cho cả Bồ đề cùng đại Niết-bàn. Nếu theo riêng mà nói thì đoạn trừ Phiền não chướng, hiển bày Niết-bàn. Nay thành chánh Giác, nên lược bỏ phần nói về Sở tri chướng. Sẽ biện giải trong phần sau.

- Sở câu: “Một là ba nghiệp biến hiện khắp” Là phần căn cứ nơi mười đức để làm rõ riêng về mười thân của Phật. Trong mười Thân, thì năm thân sau hoàn toàn là tên trong mười Thân. Còn năm Thân trước thì không nói đến chữ Thân nhưng về nghĩa thì đầy đủ:

Một: Thân Bồ đề (trong phần bàn chung ở trước đã nêu rõ).

Hai: Thân Uy thế.

Ba: Thân Phước đức.

Bốn: Thân Ý sanh.

Năm: Thân Tướng hảo trang nghiêm.

- Sở từ câu: “Nay, thứ nhất là nghiệp nơi ý” tiếp xuống: Là bàn về sự “Thành Chánh Giác” nêu trên. Văn nơi Sở giải gồm hai:

Một: Nêu chung

Hai: Từ câu: “Trước nói: Đối với tất cả các pháp” tiếp xuống: Là giải thích riêng. Phần hai này lại chia làm hai chi tiết:

Thứ nhất: Giải thích tóm lược.

Thứ hai: Từ câu: “Trí tức là hai Trí..” tiếp xuống: Là giải thích rộng. Phần này cũng được phân làm hai:

Một là: Nêu lên Trí của chủ thể hội nhập.

Hai là: Từ câu: “Hai Trí là” tiếp xuống: Là biện minh riêng về Tướng của Trí hội nhập. Tức gồm bốn đoạn:

- Giải thích về hai Trí.
- Giải thích về ba Trí.
- Giải thích Trí không chương ngại.
- Giải thích về bốn Trí.

Do Trí không chương ngại căn cứ nơi nghĩa tức là viên mãn, nên nêu ra ở sau. Nhân nơi ba để mà thành tựu, nên phần giải thích ở trước bốn Trí.

Sớ câu: “Một là do Trí như lượng thấu đạt về Tục đế”, “Gọi là hội nhập nơi ba đời”. Hội nhập có hai nghĩa:

Một là thấu đạt.

Hai là Chứng đắc.

Vậy nên, do thấu đạt mà hội nhập Tục đế, do chứng đắc mà hội nhập Chân đế. Về Tướng của hai Trí thì như Nhiếp Luận đã nêu: “Như người bắt đầu mở mắt ra, đó gọi là Trí gia hành. Như người chính thức nhắm mắt lại, là Trí không phân biệt. Người kia lại mở mắt ra thì Hậu Đắc Trí cũng như thế. Cho nên biết như hư không, là Trí không phân biệt, trong ấy hiện đủ màu sắc, hình tượng thì Hậu Đắc Trí cũng như vậy”.

- Sớ câu: “Như nghĩa thù thắng kia biết rõ các pháp”: Là nói về nghĩa thứ hai: chứng đắc. Trên là hai Trí nhận biết riêng về hai Cảnh, thì ba đời là Tục đế, Bình đẳng là Chân đế. Nay biết rõ Tục tức là Chân, do đó ba đời là bình đẳng. Thắng nghĩa là Chân, các pháp là Tục. Nay, do Chân Trí mà biết rõ nơi Tục, nên khiến các pháp là Thắng nghĩa của Chân, do Tánh Tướng của chúng chẳng phải là một, là khác.

- Sớ câu: “Một là Chân, Tục cùng dứt, trong sự biện giải cả hai chìm mất”: Là nói về nghĩa thứ nhất trong hai nghĩa của ba Trí (Tục trí, Chân trí và Trung đạo trí). Nghĩa là, Tục tức Chân nên chẳng phải là Tục. Chân tức Tục nên chẳng phải là Chân. Chẳng phải là Chân, chẳng phải là Tục tức là Trung đạo. Thì ba đời tức Bình đẳng nên chẳng phải là ba đời. Bình đẳng tức là ba đời nên chẳng phải là bình đẳng. Vậy là cả hai cùng dứt mất.

- Sớ câu: “Chân Tục tuy tương tức mà không hủy hoại hình tướng”: Là nghĩa thứ hai của ba Trí. Nghĩa là, Không của tức có mới là chân không. Có tức của không mới là diệu hữu. Không, Có chẳng là hai mà hai tướng hiện bày rõ. Như sóng tức là nước mà luôn biến động.

Nước tức là sóng mà thường ẩm ướt. Cho nên viết là: “Cả hai cùng soi chiếu”.

- Sớ câu: “Hai cái ấy nhận biết về cảnh của ba đế”: Là tóm kết, xác nhận. Ở nơi Cảnh là một đế mà là ba đế. Ở nơi Tâm là một Quán mà là ba Quán. Ở nơi Quả là một Trí mà là ba Trí. Như một viên ngọc tròn. Hình tướng của viên ngọc là dụ cho Có. Sự trong suốt của viên ngọc là dụ cho Không. Sự tròn sáng của viên ngọc là dụ cho Trung. Ba cái ấy không trước sau là dụ cho một đế mà là ba đế. Nếu dùng tấm gương sáng soi chiếu, thì ba nghĩa nêu trên của viên ngọc trong một lúc tức thì hiện rõ, tức dụ cho một Quán mà là ba Quán. Nếu theo trong tấm gương mà xem viên ngọc thì viên ngọc cùng tấm gương chẳng phải là một, chẳng phải là khác, tức dụ cho Tâm, Cảnh là hai mà chẳng hai, là Chân giác.

- Sớ từ câu: “Cảnh đã cùng dứt mất mà cùng hiện bày” tiếp xuống: Là phần ba, dựa nơi ba Trí trước để giải thích về Trí không chướng ngại. Tức là hợp với Trung đạo của hai loại trước là không chướng ngại. Rõ ràng nơi ba Trí trước, với tính chất viên dung đã là vô ngại, nhưng chưa nêu rõ tính chất vô ngại của sự ngăn che, soi chiếu, nên lại biện minh cả hai cùng dung thông, không chướng ngại. Như vậy, cả hai cùng dứt mất tức cả hai cùng ngăn che nêu trước. Cả hai cùng hiện bày tức cả hai cùng soi chiếu nêu trước. Nếu cảnh cùng dứt mất thì vô tâm nơi Chân, Tục là vắng lặng. Nếu cảnh cùng hiện bày thì tâm quyền thất cả hai cùng soi tỏ là toả chiếu. Cho nên nói là: “Trí cũng vắng lặng, soi chiếu mà cả hai cùng hiện bày”. Hai thứ trung đạo đã không chướng ngại, nên hai thứ Nhị đế hiển nhiên là cùng dung hợp.

- Sớ từ câu: “Nghĩa là Trí không chướng ngại” tiếp xuống: Là phần tóm kết, xác nhận.

- Sớ từ câu: “Nói bốn Trí là” tiếp xuống: Là phần bốn, giải thích về bốn Trí. Văn nơi bản Sớ giải gồm ba:

Một: Nêu tổng quát.

Hai: Dung hợp phần kinh văn.

Ba: Thông tỏ chỗ vướng mắc do vấn nạn.

- Sớ từ câu: “Duyên chung cả ba đời” tiếp xuống: Là phần hai, dung thông phần kinh văn. Về nghĩa rộng của bốn Trí thì tiếp theo trong phần dụ sẽ dẫn rộng nơi Luận để giải thích. Nay, ở đây chỉ chọn lấy nghĩa giống nhau. Nói “duyên chung cho cả ba đời”, tức bốn Trí đều duyên Cảnh của ba đời. Trí tương ứng của quả vị nơi tám Thức đều duyên nơi ba đời, nên gọi là “cùng hội nhập nơi ba đời”. Phần tiếp theo

là giải thích Trí bình đẳng (Bình đẳng tánh trí)

Nói “Cảnh Trí - Đại viên cảnh Trí, lìa mọi phân biệt nên nương tựa, giữ gìn bình đẳng”: Luận viết: “Trí ấy nơi phẩm Tâm lìa mọi thứ phân biệt. Hành tướng của đối tượng được duyên là vi tế khó nhận biết” nên viết là “Lìa mọi phân biệt”. Lại nói: “Chẳng quên mất, chẳng ngu tối nơi tất cả tướng của Cảnh. Tánh tướng thanh tịnh, lìa mọi tạp nhiễm, đức viên mãn, hoàn toàn trong sạch, là chỗ nương tựa, giữ gìn của Hiện hành, chủng tử”. Cho nên viết là: “Nương tựa, giữ gìn bình đẳng”. Ý cho rằng: Tuy nói chỗ nương tựa của công đức theo hiện hành, là chỗ giữ gìn của công đức theo Chủng tử, nhưng do không phân biệt nên được bình đẳng.

- Sở câu: “Bình đẳng tánh trí chứng đắc Tánh bình đẳng”: Là nói về Bình đẳng Tánh trí. Luận viết: “Tức là phần Tâm ấy quán hết thấy các pháp, mình người, chúng sinh thấy đều bình đẳng. Tâm đại từ bi luôn cùng tương ứng. Tùy theo chỗ ưa thích của chúng sinh mà thị hiện Thân thọ dụng, quốc độ với những hình ảnh sai khác”.

Đã cho là “Mình, người, chúng sinh thấy đều bình đẳng” tức là đối tượng được quán là bình đẳng, nên nói: “Chứng đắc tánh bình đẳng”.

- Sở câu: “Diệu quan sát trí quan sát bình đẳng”: Là nói về diệu Quan sát trí. Luận viết: “Nghĩa là phần Tâm ấy khéo quan sát các pháp, về tự tướng và cộng tướng, vô ngại mà luôn chuyển biến, xem xét, thấu tóm vô lượng môn Tổng trì, Tam muội, cùng là chỗ phát sinh châu báu công đức, có thể hiện bày vô biên tác dụng khác nhau, đều được tự tại, mưa xuống trận mưa pháp lớn, dứt trừ hết thấy mọi thứ nghi ngờ, khiến các chúng sinh đều đạt được lợi lạc”.

Đã cho là “khéo quan sát các pháp, về tự tướng cộng tướng đều vô ngại mà luôn chuyển biến”, tức đây là nêu rõ sự bình đẳng, có thể quan sát khắp hết thấy các pháp. Cho nên viết là “Quan sát bình đẳng”.

- Sở câu: “Thành sở tác trí đem lại lợi lạc khắp chốn, bình đẳng”: Là nói về Trí thành sở tác. Luận viết: “Tức là phần Tâm ấy, vì nhằm đem lại lợi lạc cho các chúng sinh, nên ở nơi khắp mười phương thị hiện vô số sự biến hóa qua ba nghiệp”, đây tức là nghĩa “đem lại lợi lạc khắp chốn”, không phân biệt oán, thân, há chẳng phải là bình đẳng?

- Sở câu: “Bốn Trí viên dung, một câu thâm tóm tận cùng” Là tán dương về tính chất thù thắng. “Phần nói về Thân, Ngũ tiếp dưới đều là chỗ hiện bày của bốn Trí”, là nêu rõ, ở đây, dùng ý của bốn Trí để xem phần văn tiếp dưới nói về công đức của Phật, cùng với Luận Duy Thức giải thích về bốn Trí là giống nhau. Cho nên viết là “đều là sự hiển hiện

của bốn Trí”. Vì thế, trong phần chung, nên dùng bốn Trí để giải thích - Sở từ câu: “Bốn Trí viên dung, tánh là không hai” tiếp xuống: Là phần ba, thông tỏ chỗ vướng mắc. Nghĩa là có người nêu câu hỏi: “Bốn Trí, Bồ đề là Hữu vi, Vô lậu, chẳng phải là tông chỉ của kinh này, sao được xen vào phần giải thích nghĩa huyền diệu này?” Nên nay cần thông tỏ: Bốn Trí, Bồ đề, hai tông Tánh tướng, đều có đủ, chỉ về nghĩa là có khác nhau chút ít, nên dùng cũng không sai. Tức là viên dung, không hai là một nghĩa khác với Tông kia. Tông kia nói bốn mà chẳng có sự đan xen. Nay biện minh một Trí liềm gồm đủ bốn Trí. Cho nên Phẩm Xuất Hiện, phần sau, đã dùng bốn thứ châu báu để dụ cho bốn Trí kia, đoạn kinh ấy nói: “Lại nữa, Phật tử! Ví như biển cả có bốn thứ châu báu gồm đủ vô lượng công đức, có thể sinh ra tất cả châu báu trong biển. Nếu trong biển cả mà không có châu báu ấy, thì cho đến một thứ báu nhỏ cũng chẳng thể có được. Những gì là bốn? Một là chỗ châu báu tích tụ. Hai là kho chứa vô tận. Ba là xa lìa mọi thứ nóng bức. Bốn là đầy đủ mọi sự trang nghiêm. Nay Phật tử! bốn thứ châu báu ấy, tất cả hàng phàm phu, chư Thiên, chúng Rồng, thần v.v... thấy đều không thể thấy được. Vì sao? Là vì Long vương Sa kiệt la đã cho các thứ châu báu ấy là đẹp đẽ vuông vắn, nên đem để trong cung, chỗ sâu kín nhất. Nay Phật tử! Biển trí tuệ lớn của Như Lai ứng chánh đẳng giác cũng giống như thế. Trong đó có bốn châu báu đại trí, gồm đủ vô lượng công đức phước trí. Do bốn châu báu đại trí ấy có thể sinh ra châu báu trí tuệ của hết thảy chúng sinh, các hành Thanh văn, Độc giác, bậc Hữu học, Vô học, cùng chư Bồ tát. Những gì là bốn? Đó là, châu báu đại trí tuệ phương tiện thiện xảo, không đắm nhiễm chấp trước. Là châu báu đại trí tuệ khéo phân biệt pháp hữu vi, vô vi. Là châu báu đại trí tuệ phân biệt giảng nói vô lượng pháp mà không hủy hoại Pháp tánh. Là châu báu đại trí tuệ biết rõ về thời, chẳng phải thời, chưa từng sai lầm”. Nơi mỗi mỗi trí ấy đều gọi là bình đẳng, ngay thẳng, đoan nghiêm, tốt đẹp, tức gồm đủ công đức của bốn Trí. Huống chi đồng một Tánh nên hiển nhiên là dung thông.

Nói “Tu tập phát sinh và vốn có chẳng phải là một, là khác”: Tức ý thứ hai chẳng giống với Tông kia. Tông kia cho bốn Trí là do tu tập phát sinh (Tu sinh) còn Niết-bàn là vốn có (Bản hữu). Nay thì cho bốn Trí là Trí bản giác. Tính chất Tu sinh nơi bốn Trí chẳng phải có riêng Thể Tánh. Như vàng tạo thành tượng, thì vàng và tượng bản chất không khác.

- Sở từ câu: “Nhưng chủ thể giác ngộ tột bậc” tiếp xuống: Là phần

tổng kết. Sở dĩ tóm kết là nhằm làm rõ một Thân Bồ đề đã gồm đủ hai thân là Pháp thân, Báo thân. Huống chi là nêu đủ chín Thân còn lại.

- Sở câu: “Hai là, từ câu “Thân kia” tiếp xuống là nói về Thân nghiệp”: Văn nơi bản Sở giải có hai: Một là biện minh chung. Hai là, từ câu “Pháp thân biến hiện khắp” tiếp xuống: Là giải thích riêng. Phần này gồm hai:

Một: Bàn về sự biến hiện khắp theo tướng riêng khác.

Hai: Bàn về sự biến hiện khắp theo tướng thân tóm chung, viên dung.

Một: Lại nhờ nơi ba Thân để biện minh phần tiếp dưới, là làm rõ chỗ thân gồm mười để phân làm ba. Cho nên nay biện minh Pháp thân là Thể gốc biến hiện khắp. Trí thân là sự tu tập thành tựu như Thể mà biến hiện khắp. Sắc thân tức dụng của Thể biến hiện khắp. Pháp thân như hư không biến hiện khắp. Trí thân như ánh sáng của mặt trời biến hiện khắp. Sắc thân như bóng của mặt trời biến hiện khắp.

- Sở từ câu: “đều là sự biến hiện viên mãn” tiếp xuống: Là chỉ rõ riêng về tướng hiển hiện khắp. ba Thân đều như phân tiếp dưới nêu bày, nên viết: “đều là”.

Nói: “đều là sự biến hiện viên mãn”: Tức hoặc lớn hoặc nhỏ đều viên mãn. Nói “Chẳng phải là biến hiện từng phần”, tức chẳng phải là sự biến hiện phân tán, rời rạc.

Từ câu: “Nghĩa là tất cả” tiếp xuống: Là chỉ rõ tướng biến hiện viên mãn...

Nói “chỗ thấy chung cũng hiện bày”: Tức biến hiện khắp trong pháp giới chính là một Phật, thân Phật sung mãn nơi Pháp giới.

Nói “chỗ thấy riêng cũng hiện bày”: Tức hương tới mỗi mỗi quốc độ, trong mỗi mỗi cảnh giới đều thấy toàn thân. Cho nên phần sau của kinh có câu:

*“Như ở chốn ấy thấy Phật ngồi  
Trong hết thấy cảnh cũng như vậy  
Thân Phật không đến cũng không đi  
Nơi mọi quốc độ đều hiện rõ.”*

Lại, chỗ thấy chung riêng ấy, chung thì một Thân, chốn chốn đều có. Riêng thì các chi phần như mắt tai mũi v.v... Đều biến hiện khắp pháp giới. Cho nên nơi Phẩm Hiện Tướng có đoạn:

*“Mắt Phật vì sao không có lượng  
Tai mũi lưỡi thân cũng như vậy”.*

- Sở từ câu: “Lại nữa, quốc độ v.v... tức là quốc độ của thân ta”

tiếp xuống: Là phần hai, bàn về sự biến hiện khắp theo chỗ thân tóm chung, viên dung. Nghĩa là, trước biện minh về chủ thể biến hiện là ba Thân, chẳng phải là đối tượng được biến hiện là quốc độ. Nay nêu rõ, chủ thể biến hiện tức là đối tượng được biến hiện, chủ thể và đối tượng cùng dung thông. Lại làm rõ nơi mỗi mỗi Thân cùng dung hợp đan xen biến hiện khắp. Thêm nữa, ở trên là căn cứ nơi thân Phật là mười Thân nêu trước, tức Thân Bồ đề, Thân Nguyện, Thân Ứng hóa, Thân Lực trì, Thân trang nghiêm v.v... Nay biện minh mười Thân, nơi ba thế gian không hề bị ngăn ngại. Tức là quốc độ, chúng sinh v.v... mười Thân cùng tạo tác không đâu là không dung thông. Cho nên viết: “Cũng như ánh sáng ngọn đèn”. Kinh nói:

*“Ví như nhà kín trăm ngàn đèn  
Mỗi mỗi đèn tỏa sáng khắp nhà  
Trí nơi thân Phật cũng như thế”.*

- Số từ câu: “Ví như phần dụ tiếp dưới nhằm làm rõ” tiếp xuống:  
Là dụ chung về ba nghiệp. Văn được phân làm hai:

1. Nêu chung về đại ý.
2. Chia chương, giải thích riêng.

Một: Nói: “Ba nghiệp của Phật chẳng phải dụ có thể ví dụ được”:  
Tức như phần cuối quyển thứ tám mươi kinh Hoa Nghiêm có đoạn:

*“Hết thấy pháp có không ba cõi  
Chẳng thể cùng Phật làm ví dụ  
Ví như chim muông nơi rừng núi  
Không nương hư không mà ở được...  
Hư không, chân như cùng Thật tế  
Niết-bàn, Pháp tánh thường vắng lặng  
Chỉ có pháp chân thật như thế  
Dùng để hiển bày nơi Như Lai...”*

Tức là văn nói về điều ấy.

Lại nữa, Luận Phật địa, quyển thứ bốn, viết: “Như Khế kinh nói:

*“Cho đến những thí dụ vốn có  
Dụ cho công đức của chư Như Lai  
Tất cả đều là hủy báng Như Lai  
Chỉ trừ một dụ, đó là Hư không  
Có thể dụ cho Như Lai về giới v.v...  
Vô lượng công đức đồng với hư không.”*

- Số câu: “Nhưng dùng hư không để dụ, có chỗ đồng, chỗ chẳng đồng v.v...”

Hai câu trên là nêu ra, phần tiếp dưới là giải thích về hai tướng (đồng, chẳng đồng). Trước là giải thích về chỗ chẳng đồng. Tức văn nơi Phẩm Thập Hồi Hưởng, phần Hồi Hưởng thứ năm, nêu rõ Phật có công đức tự lợi, chẳng đồng với hư không chẳng thể có tự lợi. Mà nói “vân vân” (đẳng) tức chỉ cho phần văn tiếp theo.

**Kinh nói:** “Ở tất cả nơi chốn đều khiến cho các chúng sinh tích tụ thiện căn thấy đầy đủ, sung mãn. Cho nên đây là nêu rõ Như Lai có công đức của lợi tha, chẳng giống với hư không.”

- Sở từ câu: “Nay chọn lấy phần đồng” tiếp xuống: Là phần hai, giải thích về chỗ giống nhau.

Nói: “Nghĩa đồng có nhiều thứ, như nơi Phẩm Thập Nhẫn tiếp dưới đã nêu”, tức là Nhẫn thứ mười: “Như Hư không Nhẫn”.

**Kinh nói:** “Phật tử! Bồ tát Ma-ha-tát ấy, thấu rõ tất cả pháp giới cũng như hư không, do là vô tướng. Thấu rõ hết thấy thế giới cũng như hư không, là do không dấy khởi. Thấu rõ tất cả pháp cũng như hư không, là do không hai. Thấu rõ hết thấy nẻo hành của chúng sinh cũng như hư không, là do không có đối tượng hành trì. Thấu rõ tất cả Phật cũng như hư không, là do không phân biệt. Thấu rõ hết thấy Phật lực cũng như hư không là do không có sai khác. Thấu rõ tất cả pháp Thiền định cũng như hư không, là do ba đời đều bình đẳng. Thấu rõ chỗ nêu giảng về hết thấy pháp cũng như hư không, là vì chẳng thể dùng ngôn từ để thuyết giảng. Thấu rõ tất cả thân Phật cũng như hư không, là do không vướng chấp, không bị ngăn ngại”.

**Giải thích:** Văn được nêu dẫn trên, nếu theo chỗ thông hợp chung, thì không tướng, không dấy khởi đều là nhiều nghĩa của Hư không. Còn như theo tướng riêng thì chỉ chọn lấy tính chất không phân biệt, không sai khác, không vướng chấp, không chướng ngại, để dụ cho diệu lực, thân tướng của Phật. Lại, phần văn tiếp theo của Nhẫn ấy nói: “Ví như Hư không, tất cả pháp nường tựa mà không sinh không diệt. Lại nói:

- Là chỗ nường cậy của tất cả thế gian mà không có chỗ được nường tựa.

- Là không sinh không diệt mà có khả năng duy trì sự sinh diệt của hết thấy thế gian.

- Là không phương hướng mà có thể hiện rõ tất cả mọi phương hướng.

- Là chẳng phải đi, chẳng phải dừng, mà có khả năng thị hiện vô số oai nghi.

- Chẳng phải là sắc, chẳng phải là phi sắc, mà có thể hiển bày đủ



thứ đủ loại màu sắc.

- Chẳng phải là xa, chẳng phải là gần mà có khả năng tồn tại lâu dài hiện bày tất cả sự vật.

- Chẳng phải là sạch chẳng phải là nhơ mà không lia bỏ sạch nhơ.

- Là chốn tất cả thế gian đều hiện rõ ở trước, mà chẳng phải là hết thấy thế gian đều hiện bày ở trước.

- Là chỗ hội nhập khắp tất cả mà không có biên vực giới hạn.”

Tất cả đều dụ cho Bồ đề. Kinh có đủ sự kết hợp, nay lược bớt không dẫn. Nêu ra dụ đối với Phật cũng đủ các nghĩa nêu trên, do quả vị của mười Nhẫn là Đẳng giác nên có thể giống Phật.

- Số từ câu: “Nay có hai dụ chia thành bốn nghĩa” tiếp xuống: Là phần thứ hai, chia chương, giải thích riêng. (Phần thứ nhất là Nêu chung về đại ý)

Được chia làm ba:

Một: Hiện bày chung về Tướng của dụ.

Hai: Dụ về đối tượng được dụ kia.

Ba: Tóm kết, chỉ rõ chỗ quy về.

Phần một có thể nhận biết.

- Số từ câu: “Dùng bốn dụ ấy để dụ cho ý nghiệp” tiếp xuống: Là phần hai dụ về đối tượng được dụ kia. Dụ riêng về ba nghiệp, tức là ba đoạn. Người xưa chỉ đem dụ trước dụ nơi ý nghiệp, dụ sau thì dụ cho Thân, Ngữ. Tính chất biến hiện khắp dụ cho Thân, tính chất tùy thuận, hội nhập dụ cho Ngữ. Nay cùng dụ cho ba nghiệp, chỉ dẫn văn để chứng minh rõ ràng nên có nhận biết.

Một là dụ cho ý nghiệp, văn nơi bản Số giải được phân làm hai:

Thứ nhất: Dẫn kinh để giải thích chung.

Thứ hai: Theo tướng để biện minh riêng.

Thứ nhất: Nói “Trí Phật rộng lớn đồng Hư không”: Là nói chung cho hai Trí, bốn Trí. Nhưng ba câu tiếp theo nói:

*“Hiện khắp tất cả tâm chúng sinh*

*Thấy rõ mọi vọng tưởng thế gian*

*Chẳng khởi mọi thứ phân biệt khác”*

“Thấu rõ mọi vọng tưởng nơi thế gian” tức là Lượng Trí. Chẳng dấy khởi phân biệt tức là Lý Trí. Nhưng nay chỉ chọn lấy tính chất rộng lớn đồng hư không, thì hai Trí, bốn Trí đều rộng lớn, nên viết là: “Chung cho”.

- Số từ câu: “Lượng Trí bao hàm mà biến hiện khắp” tiếp xuống:

Là phần hai, theo Tượng để biện minh riêng. Phần này gồm hai:

Một: Dụ về hai Trí.

Hai: Dụ về bốn Trí.

Trong phần một, dùng nghĩa bao hàm nơi dụ trước cùng nghĩa biến hiện khắp nơi dụ sau, lấy hai nghĩa ấy cùng dụ cho Lượng Trí (Trí thấu đạt về Tục đế). Lượng Trí nhận biết chỗ sai khác nên giống với nghĩa bao hàm. Không pháp nào là không nhận biết nên là nghĩa biến hiện khắp.

Nói: “Lý Trí - Trí chứng nhập Chân đế - không phân biệt mà chứng nhập”: Là dùng nghĩa không phân biệt của dụ trước cùng nghĩa tùy thuận, hội nhập bình đẳng của dụ sau, lấy chung cả hai nghĩa ấy để dụ cho Lý Trí. Lý Trí tức là Trí không phân biệt, mới có thể chứng nhập nơi Chân Như.

- Số từ câu: “Lại nữa, Đại viên cảnh Trí” tiếp xuống: Là phần hai, dùng dụ để dụ cho bốn Trí, được chia làm hai:

Một: Dùng dụ một để dụ cho hai Trí Đại Viên và Bình đẳng.

Hai: Dùng dụ sau để dụ cho hai Trí còn lại (Điều quan sát trí và Thành sở tác trí)

Trong phần một được phân ra hai:

Thứ nhất: Giải thích riêng về Tượng của dụ.

Thứ hai: Tổng kết về ý nghĩa của dụ.

Nơi phần thứ nhất lại gồm hai chi tiết:

Một là dụ cho Đại Viên Cảnh Trí.

Hai là, dụ cho Bình đẳng Tánh Trí.

Dụ cho Đại Viên Cảnh Trí, văn nơi bản Sở giải chia làm hai, trước là dẫn Luận Duy Thức để chứng minh nghĩa bao hàm. Sau là dẫn kinh Hoa Nghiêm để cùng chứng minh cả hai nghĩa.

Dẫn Luận Duy Thức, quyển thứ mười viết:

“Một là Đại Viên Cảnh Trí tương ứng với phần Tâm, nghĩa là phần Tâm ấy lìa mọi phân biệt. Hành tướng của đối tượng được duyên là vi tế khó nhận biết. Chẳng quên mất, chẳng ngu tối đối với tất cả tướng của Cảnh. Tánh tướng thanh tịnh lìa mọi tạp nhiễm, đức viên mãn, hoàn toàn trong lặng, là chỗ nương tựa, gìn giữ của Hiện hành, chủng tử. Có thể hiện bày, phát sinh thân tướng, quốc độ hình ảnh của ba trí, không hề gián đoạn, tận cùng đến đời vị lai. Như tấm gương tròn lớn hiện bày các màu sắc hình tượng”.

**Giải thích:** Thuần là không có xen tạp. Tịnh là lìa mọi cấu nhiễm. Viên là viên mãn. “Hiện, chủng y trì” tức chỗ nương tựa của công đức

theo hiện hành là chỗ duy trì của công đức theo chủng tử. Có thể hiện bày, phát sinh thân tướng, quốc độ, hình ảnh của ba Trí.

Phần văn còn lại có thể nhận biết.

- Sở từ câu: “Phần kinh tiếp dưới nói: Trí Bồ đề hiện bày khắp” tiếp xuống: Là phần sau, dẫn kinh Hoa Nghiêm để cùng chứng minh cho cả hai nghĩa. Kinh viết: “Ví như biển cả có khả năng in dấu và hiện bày hình tượng, sắc thân của tất cả chúng sinh trong khắp bốn cõi thiên hạ. Do đó được mọi người cùng gọi là biển cả. Trí Bồ đề của chư Phật cũng như thế. Hiện bày khắp mọi tâm niệm, căn trí, ước muốn của tất cả chúng sinh, mà không có đối tượng được hiện bày.

- Sở câu: “Không có đối tượng được hiện bày là không có sự phân biệt”: Ở trên nói hiện bày tâm niệm, căn trí, ước muốn v.v... tức chứng minh nghĩa thâm tóm, bao hàm. Nay thì chứng minh nghĩa không phân biệt. Luận Duy Thức nói về Đại Viên cảnh Trí cũng có nghĩa không phân biệt, trong phần giảng giải chung ở trước đã nêu dẫn, nên nay lược bớt. Nhưng chỗ “không có đối tượng được hiện bày” thì có hai nghĩa:

Một là đối tượng được hiện bày tức là không.

Hai, vô tâm mà hiện bày.

Nay chọn lấy nghĩa sau.

- Sở câu: “Bình đẳng Tánh Trí là”: Là phần hai, dụ cho Bình đẳng Tánh trí. Văn nơi bản Sở giải gồm hai:

1. Là dẫn Luận Duy Thức.

2. Là dẫn kinh Hoa Nghiêm.

Một: Luận Duy Thức nói: “Hai là Bình đẳng Tánh trí, tương ứng với Phàm Tâm. Nghĩa là phần Tâm ấy quan sát tất cả pháp, mình, người, chúng sinh, thấy đều bình đẳng. Tâm đại từ bi luôn cùng tương ứng. Tùy theo chỗ ưa thích của các chúng sinh mà thị hiện thân thọ dụng, quốc độ với những hình tượng sai khác. Bình đẳng Tánh trí không cùng với đối tượng được nương tựa, không trụ nơi chỗ kiến lập của Niết-bàn, thuần nhất một vị, tương tục đến tận cùng đời vị lai”.

**Giải thích:** Do trong nhân từ trước chấp có Ngã, nên mình người sai khác. Nay, chấp Ngã đã không còn, nên đều bình đẳng. Thuận theo chỗ ưa thích của chúng sinh trong mười cõi, không trụ nơi chỗ an lập của Niết-bàn. Thức này thường cùng với bi, trí tương ứng, thuần nhất là vô lậu.

- Sở câu: “Cũng không phân biệt”: Luận Duy Thức, trong phần nói về Bình đẳng Tánh Trí không nói về “Không phân biệt”. Nay nói “Cũng không phân biệt” nên có hai ý:

Một là, dựa vào Duy Thức, bốn Trí đều duyên chung nơi cảnh của Chân Như, nên là không phân biệt.

Hai là, căn cứ nơi cảnh không sai khác, nên gọi là không phân biệt.

Ý một như Luận Duy Thức nói: Đại Viên Cảnh Trí duyên với Chân như nên là Trí không phân biệt duyên với cảnh khác nên thuộc về Hậu đắc trí. Thế nó là một, tùy theo Dụng mà phân thành hai hiểu rõ tục nhờ chứng nên nói là Hậu đắc. Ba trí còn lại cũng phân hai theo như đây mà hiểu.

- Sở câu: “Không phân biệt là hiển bày chỗ không sai khác”: Đây tức là ý thứ hai. Do hai cảnh của đối tượng được quán không phân biệt, nên Trí của chủ thể quán cũng không phân biệt. Cho nên “không phân biệt là hiển bày chỗ không sai khác”. Đây hiển bày ấy, thì nghĩa không phân biệt của Bình đẳng tánh Trí so với Đại Viên Cảnh Trí không giống nhau. Không phân biệt của Cảnh Trí thì như sự vô tâm của tấm gương sáng. Còn không phân biệt của Bình đẳng tánh trí thì như mặt trời hòa hợp với hư không, hoàn toàn không có tướng khác. Gọi là không sai biệt tức là không phân biệt về tướng sai biệt. Cho nên Nhiếp Luận quyển thứ tám có đoạn: “Cho nên biết bản tánh của tất cả pháp là không phân biệt. Đối tượng được phân biệt đã không có, nên chủ thể phân biệt cũng không.

- Sở câu: “Cho nên kinh Hoa Nghiêm phần sau có câu: Ở nơi tất cả nghĩa dứt mọi nẻo quan sát v.v... “Là phần hai nêu dẫn kinh Hoa Nghiêm, tức văn nơi Phẩm Xuất Hiện, phần Bồ đề tướng.

**Kinh nói:** “Nay Phật tử” Như Lai khi thành bậc chánh giác, ở nơi tất cả nghĩa dứt hết mọi nẻo quan sát..” Mà nói vân vân (đẳng) tức chỉ cho phần kinh còn lại: “Ở nơi pháp bình đẳng không có nghi hoặc. Không hai, không tướng, không đi, không dừng, vô lượng vô biên, xa lìa hai nẻo, trụ nơi Trung đạo, vượt quá tất cả mọi thứ ngôn từ giảng nói, văn tự”.

**Giải thích:** Dứt hết mọi nẻo quan sát là chứng minh cho nghĩa không phân biệt của đại Viên Cảnh Trí. Ở nơi pháp bình đẳng tiếp xuống là chứng minh cho nghĩa không phân biệt của Bình đẳng tánh Trí. Các nghĩa còn lại đều gồm đủ.

- Sở từ câu: “Ấy là do Thái hư...” tiếp xuống: Là phần hai (của phần: Dùng dụ một để dụ cho hai Trí đại Viên và Bình đẳng), tổng kết về ý của dụ. Nơi văn có thể nhận biết.

- Sở từ câu: “Hai là dụ về sự biến hiện khắp”: Là phần thứ hai

(của phần: Dùng dụ để dụ cho bốn Trí) dùng dụ sau để dụ cho hai Trí: Diệu quan sát Trí và Thành sở tác Trí. Văn nơi bản Số giải có bốn:

1. Dẫn Luận Duy Thức.
2. Dẫn Kinh Hoa Nghiêm.
3. Tóm kết, xác nhận ý của dụ.
4. Tổng kết về tính chất khó nghĩ bàn.

Một: Nói “Diệu quan sát”, như Luận viết: “Ba là Diệu quan sát Trí tương ứng với Phẩm Tâm, nghĩa là phần Tâm ấy khéo quan sát các pháp về tự tướng, cộng tướng, không ngăn ngại mà chuyển biết; xem xét, thâm tóm vô lượng môn Tổng trì Tam muội cùng chỗ phát sinh châu báu công đức. Ở nơi chúng hội lớn có thể hiện bày vô biên các tác dụng sai biệt, đều được tự tại. Mưa xuống trận mưa pháp lớn, dứt trừ hết thấy mọi nghi ngờ, khiến các chúng sinh đều thu đạt được lợi lạc”.

**Giải thích:** Chỗ dụng thần kỳ, không giới hạn gọi là diệu, duyên hợp nơi tự tướng, cộng tướng, gọi là quan sát. Tự tướng tức là Sắc, Tâm đều khác biệt. Cộng tướng tức là cả hai cùng vô thường v..v..

Lại như Nhiếp Luận viết: “Tánh Viên Thành thật là cộng tướng. Tánh Y Tha khởi là tự tướng.

Nói “Xem xét, thâm tóm” (Nhiếp Quán): Nhiếp là nghĩa cất giữ, thâm tóm. Quán tức là xem xét. Sáu Độ, và các Đạo phẩm châu báu công đức, các pháp thần thông là những tác dụng sai biệt. Đã xem xét mọi nẻo tự tướng cộng tướng của chúng sinh, tức biện minh không gì là không nhận biết khắp.

- Số câu: “Thành sở tác Trí, uốn nắn mà thành tựu trọn vẹn, tức nghĩa tùy thuận hội nhập”: Là nói về Trí thứ tư: Thành sở tác Trí.

Luận Duy Thức nói: “Bốn là Thành sở tác Trí tương ứng với phẩm Tâm.

- Tức là phần Tâm ấy, vì muốn đem lại lợi lạc cho các chúng sinh, nên ở nơi khắp mười phương, thị hiện vô số sự biến hóa qua ba nghiệp, thành tựu các tạo tác sự việc ứng hợp theo diệu lực của bản nguyện”.

**Giải thích:** Đã gọi “Vô số sự biến hóa qua ba nghiệp, thành tựu các tạo tác sự việc, há chẳng phải là uốn nắn, dẫn dắt: “Thành tựu nơi vật, không chỗ nào bị bỏ sót, thất thoát”, ý này tức thuộc sách Chu Dịch, Hệ Từ thượng: “Phạm vi thiên địa chi hóa nhi bất quá. Khúc thành vạn vật nhi bất di” (Thánh nhân lấy sự biến hóa của trời đất làm khuôn mẫu mà không quá (vẫn giữ đạo trung), uốn nắn mà thành tựu được vạn vật, chẳng bỏ sót vật nào... Hệ Từ truyện, chương bốn, theo bản dịch của Nguyễn Hiến Lê)

**Chú thích:** “Phạm vi” là dựa theo khuôn mẫu nơi trời đất mà làm cho Lý được hoàn bị. “Khúc thành” là nhân nơi sự biến hóa để ứng hợp với muôn vật, không lệ thuộc vào một phương nào. Tức vật có được chỗ thích nghi. Đây là nói về đức của dịch, nay mượn để so sánh với đức của Phật..

- Sở từ câu: “Phần kinh tiếp dưới có câu: “Trí Phật rộng lớn như hư không” tiếp xuống: Là phần hai, nêu dẫn kinh Hoa Nghiêm để giải thích. Được phân làm hai phần:

Một: Giải thích nghĩa biến hiện khắp.

Hai: Giải thích nghĩa tùy thuận hội nhập.

Trong nghĩa một, có bốn thứ biến hiện khắp:

- Căn cứ nơi Thể của Trí biến hiện.

- Căn cứ nơi dụng của Trí biến hiện.

Hai thứ biến hiện này, tức như nơi quyển thứ tám mươi đã nêu dẫn ở trước.

- Căn cứ nơi sự khế hợp giữa thông tỏ và chứng đắc, Tâm cùng Cảnh ứng hợp sâu xa. Tức văn nơi phẩm Xuất Hiện, phần Bồ đề.

- Căn cứ nơi Lý biến hiện. Tức nghĩa nêu dẫn nơi Luận khởi Tín. Luận viết: “Hỏi: Như Pháp thân của chư Phật là lia mọi nẻo sắc tướng. Tại sao lại có thể hiện bày sắc tướng? Đáp: Pháp thân là Thể tánh của sắc nên có thể hiện bày sắc tướng. Đó là từ xưa đến nay Sắc, Tâm là không hai, do tánh của Sắc là tánh của Trí. Thể của sắc là vô hình nên gọi là Trí thân, do tánh của Trí là Tánh của Sắc nên nói là Pháp thân. Pháp thân ấy biến hiện khắp tất cả mọi nơi chốn, thì sắc của đối tượng được hiện bày không có hạn lượng mức độ. Tùy theo Tâm mà có thể thị hiện mười phương thế giới với vô lượng Bồ tát, vô lượng Báo thân, vô lượng sự trang nghiêm, mỗi mỗi đều sai khác, đều không có hạn lượng, mà chẳng ngăn ngại. Đây chẳng phải là chỗ có thể nhận biết của tâm thức phân biệt, do là nghĩa diệu dụng tự tại của Chân như”.

**Giải thích:** Phần văn này cũng có thể chứng minh cho phần Thân biến hiện khắp tiếp dưới. Nay chỉ chọn lấy nghĩa hai Tánh không khác, để làm rõ sự biến hiện khắp của Trí Tánh.

- Sở từ câu: “Thế nào là hội nhập khắp?” Tiếp xuống: Là phần hai, giải thích nghĩa tùy thuận hội nhập.

Trước là chính thức giải thích:

Nói “Chẳng hủy hoại chủ thể đối tượng”: Do trước nói về sự biến hiện khắp, có hai nghĩa: Một là có chủ thể, đối tượng biến hiện khắp. Tức là dựa theo sự biến hiện của Thể. Chúng sinh lại là vật ở trong Trí.

Hai là không có chủ thể, đối tượng. Như căn cứ nơi Lý biến hiện khắp, thì đối tượng được biến hiện, hoàn toàn là chủ thể biến hiện, là Thể, tức chủ thể đối tượng là một. Nay, ở đây, với nghĩa “Chẳng hủy hoại chủ thể, đối tượng”, thì chủ thể chứng đắc, đối tượng được chứng đắc, cả hai cùng dung hợp mọi sai biệt.

- Sở từ câu: “Cho nên phần kinh tiếp dưới nói” tiếp xuống: Là phần dẫn chứng. Tức văn nơi Phẩm Vấn Minh, trong chỗ sâu xa vi diệu nơi cảnh giới của Phật đáp chỗ hội nhập vào cảnh giới của Phật. Ý hội nhập trong ấy có hai nghĩa:

Một là Sắc thân hội nhập.

Hai là Trí thân hội nhập.

Nay chọn lấy Trí thân hội nhập. Thân hội nhập thì có thể nhận thấy Trí hội nhập thì chỉ là Trí. Trí là chủ thể nhận biết, nên gọi là: “Chẳng phải là chỗ có thể nhận thấy”.

- Sở từ câu: “Do tùy nơi như” tiếp xuống: Là giải thích về nghĩa bình đẳng. Nói hội nhập, theo nghĩa ấy là dẫn nơi kinh Tịnh Danh, chương Mục-kiền-liên. Kinh nói: “Pháp tùy theo Chân như, mà không có đối tượng được tùy theo”. Nghĩa là, nếu có đối tượng được tùy theo, thì đối tượng ấy ở bên ngoài chủ thể tùy theo. Pháp của chủ thể tùy theo chính ở nơi đối tượng được tùy theo. Như vậy, chân như của bên ngoài đối tượng được tùy theo, chẳng biến hiện khắp nơi chủ thể tùy theo. Do không có đối tượng được tùy theo thích ứng với Thể nơi Như. Nếu theo quán hành, thì Tâm của tùy theo Như chẳng sinh Chân thuận hợp với Như. Phẩm Vấn Minh phần sau cũng nói:

*Cảnh giới Như Lai sâu*

*Dung lượng như hư không*

*Hết thấy chúng sinh nhập*

*Mà thật không chỗ nào.*

Tức là nghĩa này.

- Sở từ câu: “Do đấy, hư không hội nhập khắp quốc độ” tiếp xuống: Là phần thứ ba (của phần “Dùng dụ sau để dụ cho hai diệu Quan sát trí và Thành Sở tác”), tóm kết, xác nhận ý của dụ.

Được chia làm hai:

Một: Tóm kết về dụ

Hai: Kết hợp với Pháp.

Nơi phần một, trước là tóm kết về nghĩa biến hiện khắp, sau là, từ câu “Nơi quốc độ của hư không” tiếp xuống, là tóm kết về nghĩa bình đẳng, tùy thuận hội nhập.

- Sở từ câu: “Hư không có thể dụ cho Trí của Phật” tiếp xuống: Là phần hai, kết hợp với Pháp. Phần này lại chia làm hai:

- Kết hợp với nghĩa biến hiện khắp.
- Kết hợp với nghĩa tùy thuận hội nhập.

Nói “Ba đời có nơi chốn, Trí của Phật ắt ở trong ấy”: Tức Trí của Phật thông đạt cả nhiễm, tịnh, không ngăn ngại, trong một niệm quán chiếu khắp vô lượng kiếp, nên biết Trí của Phật không gì là không nhận biết khắp. Do định Tuệ của Như Lai là không biên vực, giới mốc. Quán trước không khởi đầu, quán sau không chung cuộc. Nói “Trí của Phật nhận biết về nơi chốn theo ba đời hoặc không có Thể tánh”: Nghĩa là Chân như, Thật tế, Niết-bàn, Pháp tánh, là sự chứng đắc của Trí Phật, mà sự chứng đắc ấy không có ba đời.

- Sở từ câu: “Nơi ba đời của Trí Phật” tiếp xuống: Là phần hai, kết hợp với nghĩa tùy thuận hội nhập, có thể nhận biết.

- Sở câu: “Đây cũng như căn cứ nơi chẳng hai mà là hai”: Là phần thứ tư (của phần “dùng dụ sau để dụ cho hai Trí: Diệu quan sát và Thành sở tác), tổng kết về tính chất khó nghĩ bàn.

Phần này gồm ba:

1. Theo nghĩa tùy thuận hội nhập để tóm kết.
2. Đối chiếu với nghĩa biến hiện khắp.
3. Tổng kết về hai dụ.

Một: Do ở trên nói về nghĩa tùy thuận hội nhập, căn cứ ở chỗ “Chẳng hủy hoại chủ thể, đối tượng”, nên nói chẳng hai mà là hai. Tức trong dụ thì hư không là chủ thể hội nhập, quốc độ là đối tượng được hội nhập. Trong Pháp thì Trí Phật là chủ thể hội nhập, ba đời là đối tượng được hội nhập. Đối tượng được hội nhập chẳng được cho là chủ thể hội nhập. Nay thì đều hỗ tương hội nhập, tức quốc độ cũng hội nhập nơi hư không, ba đời cũng hội nhập Trí Phật. Cho nên viết là “nêu lên một mà gồm thấu hết cả”.

- Sở câu: “Sự biến hiện khắp cũng thế”: Là phần hai, đối chiếu với nghĩa biến hiện khắp. Tức ở trên chỉ Trí Phật biến hiện khắp ba đời, nay thì ba đời cũng biến hiện khắp Trí Phật.

- Sở câu: “Ba thứ thế gian cùng dung thông viên mãn”: Là tóm kết chung từ trước nay về nghĩa bao hàm cùng không phân biệt, thấy đều viên dung, nên gọi là “Chẳng thể nghĩ bàn”.

- Sở từ câu: “Cho nên gọi Trí Phật là” tiếp xuống: Là phần ba, tổng kết về hai dụ.

- Sở câu: “Tiếp theo là dùng hai dụ để dụ cho Thân nghiệp”:



Là đoạn thứ hai, dùng hai dụ để dụ cho nghiệp nơi Thân (đoạn một là dùng hai dụ - chia thành bốn nghĩa - để dụ cho ý nghiệp), cũng có bốn nghĩa.

Nghĩa thứ nhất là dẫn kinh văn nêu lên sự so sánh để giải thích nghĩa thâm tóm, bao hàm. Cho nên nói: “Một sợi lông hãy còn dung chứa toàn phần pháp giới, tất bao hàm các hình tượng”. Phẩm Thế Giới Thành Tự có đoạn:

*“Trong một lỗ lông, cõi khó lường  
Cùng vô số vi trần đều trụ  
Mỗi mỗi đều có Biến Chiếu Tôn  
Tại giữa chúng hội giảng pháp diệu”.*

Phẩm Xuất Hiện nói:

*“Như người dùng thước đo hư không  
Lại có người theo tính số lượng  
Biên vực hư không đâu đạt được  
Một lỗ lông Phật không bến bờ”.*

Phần văn tiếp theo viết: “Nơi mỗi mỗi đầu sợi lông đều có thể hàm chứa hết thủy thế giới mà không hề bị ngăn ngại”, đều là nghĩa một sợi lông bao hàm cả Pháp giới.

- Sở từ câu: “Tướng thứ hai của phẩm Xuất Hiện phần Thân nghiệp” tiếp xuống: Là nêu dẫn một dụ ấy để chứng minh nghĩa thâm tóm, bao hàm ở trước cùng nghĩa không phân biệt. Văn nêu dẫn có tính chất kết hợp, chưa đầy đủ. Văn đầy đủ là: “Thân của Như Lai cũng như thế, do trí tuệ sáng tỏ soi chiếu khắp, khiến cho tất cả chúng sinh đều được thành tựu chỗ tạo tác mọi thiện căn thế gian và xuất thế gian, nhưng thân của Như Lai không có phân biệt, cũng không lý luận. Vì sao? Vì từ xưa đến nay, tất cả mọi sự chấp trước, hết thủy mọi nẻo ký luận bốn đều vĩnh viễn đoạn trừ”. Đối chiếu với văn nơi bản Sở giải, có thể nhận biết.

- Sở câu: “Thân Phật sung mãn nơi Pháp giới” tức văn nơi Phẩm Hiện Tướng. Ba câu tiếp theo câu trên là:

*“Hiện khắp trước tất cả chúng sinh  
Theo duyên thuận cảm luôn đầy đủ  
Mà thường ở nơi tòa Bồ đề”.*

Bốn câu dẫn trên đều là nghĩa “biến hiện khắp”. Nay chỉ dùng câu đầu cũng đủ để chứng minh.

- Sở câu: “Lại nói: Ví như hư không biến hiện đến tất cả xứ...” Là nêu dẫn phần văn này cũng để chứng minh cho hai nghĩa.

Hai dụ “Biến hiện khắp” và “Tùy thuận hội nhập”, trong dụ, phần tiếp theo là giải thích kinh, nêu: “Vì sao? Vì hư không chẳng có thân tướng”.

Nơi phần kết hợp chỉ lược dẫn. Đây đủ là:

“Thân Như Lai cũng như thế. Biến hiện khắp tất cả xứ. Biến hiện khắp hết thấy các chúng sinh, các quốc độ. Chẳng phải là đến, chẳng phải là chẳng đến. Vì sao? Là vì Thân Như Lai không có thân tướng, chỉ vì chúng sinh nên thị hiện thân ấy”. Nay chỉ lược dẫn cũng đủ để chứng minh cho nghĩa biến hiện khắp.

Nói: “Cũng chẳng phải là đến, chẳng phải là chẳng đến, là nghĩa bình đẳng, tùy thuận hội nhập”: Nghĩa là không thân tướng nên chẳng phải là đến. Chẳng phải là đến tức là bình đẳng. Chẳng phải là chẳng đến tức là không bị ngăn ngại. Đến là nghĩa tùy thuận hội nhập.

- Số câu: “Tiếp nữa, dùng bốn nghĩa - của hai dụ - để dụ cho Ngũ nghiệp”: Tức là đoạn thứ ba, như thứ tự chứng minh về bốn nghĩa.

Nói “Như Lai, nơi một ngôn ngữ gồm đủ tất cả các ngôn ngữ”, tức nhằm chứng minh nghĩa bao hàm, thấu tóm. Cũng là nghĩa đã dẫn, tức trong phẩm Xuất Hiện phần Ngũ nghiệp, tương thứ tư nói về Thiên nữ Thiên khẩu, kết hợp dụ, viết: “Cho nên biết Như Lai cũng lại như thế. Ở trong một tiếng nói phát ra vô lượng âm thanh, tùy theo chỗ ưa thích sai khác nơi tâm của chúng sinh thấy đều biến hiện đến khắp, khiến đều được hiểu rõ”.

**Giải thích:** Căn cứ nơi câu cuối đã dẫn cũng có thể chứng minh cho nghĩa biến hiện đến khắp. Nay chỉ chọn lấy phần trước, tức nghĩa thấu tóm, bao hàm.

Lại nữa, Phẩm Diệu Nghiêm nói:

*“Như Lai trong một thứ ngôn ngữ  
Giảng nói vô lượng biến Kế kinh”*

Cũng là nghĩa thấu tóm, bao hàm.

- Số câu: “Xá chi, Trống trời, vô tâm mà phát ra”: Là chứng minh cho nghĩa thứ hai “không phân biệt”. Ở đây có hai dụ.

Một là Xá chi, tức văn nơi Phẩm Thập Nhãn, phần Nhãn như tiếng vang, viết: “Như phu nhân của Trời Đế Thích là con gái của A-tu-la, tên là Xá Chi, ở trong một tiếng nói phát ra trăm ngàn thứ âm thanh, mà Xá Chi cũng chẳng có tâm niệm khiến đã phát ra như thế. Đại Bồ tát cũng giống như vậy. Hội nhập vào cảnh giới không phân biệt, thành tựu phương tiện thiện xảo, theo âm thanh của từng loài, ở trong vô biên thế giới luôn chuyển pháp luân.”

Hai là Trống trời, tức tướng thứ ba nơi phẩm “Xuất Hiện phần ngữ nghiệp”, dụ về sự giác ngộ của Trống trời, kết luận, nêu: “Phật tử! Âm thanh của trống trời kia, không chủ, không tạo tác, không khởi không diệt, mà có khả năng đem lại lợi ích cho vô lượng chúng sinh”. Phần tiếp dưới kết hợp với Pháp xong, kết luận: “Mà âm thanh của Như Lai chẳng trụ ở nơi chốn nào mà không có ngôn từ giảng nói”, tức là nghĩa “vô tâm mà phát ra”. Lại như nơi Phẩm Tùy Hảo, Trống trời đã vì các Thiên tử Địa Ngục mà thuyết pháp: “Này các Thiên Tử! Như ta nói về ta mà không chấp vương nơi Ngã và Ngã sở. Tất cả chư Phật cũng như thế. Tự nói về Phật mà không chấp nơi Ngã và Ngã sở”, tức là nghĩa vô tâm. Các Luận đều nói: “Thân Phật như ngọc Ma ni, vô tâm hiện bày màu sắc. Miệng Phật như Trống trời, vô tâm phát ra âm thanh”, đều là nghĩa không phân biệt.

- Sở câu: “Cho nên âm thanh của Như Lai không đâu là không đến”: Cũng là văn nơi phẩm Xuất Hiện phần Ngữ nghiệp, tướng thứ nhất. Kinh viết: “Cho nên biết âm thanh của Như Lai không hề đoạn tuyệt, luôn hội nhập khắp pháp giới”. Đây là sự chứng minh hoàn toàn về nghĩa bình đẳng, tùy thuận hội nhập, do hội nhập khắp nên là pháp giới bình đẳng.

- Sở từ câu: “Lại nói, âm thanh của Như Lai không tà vạy, cong nghiêng” tiếp xuống: Là dẫn ra hai văn để chứng minh riêng hai nghĩa bình đẳng và hội nhập tùy thuận. Đoạn văn này đầy đủ là: “Cho nên biết âm thanh của Như Lai không tà vạy, cong nghiêng, vì được sinh từ pháp giới”.

Nói “Tùy chỗ tin hiểu của chúng sinh khiến họ được hoan hỉ”, văn đầy đủ là: “Cho nên biết âm thanh của Như Lai, tùy theo chỗ ưa thích nơi tâm của chúng sinh đều khiến họ hoan hỉ, do thuyết giảng pháp rõ ràng, thấu đạt”. bốn đoạn văn nêu dẫn trên đều thuộc phẩm “Xuất Hiện phần nói về ngữ nghiệp”.

- Sở từ câu: “Do thông suốt một dụ” tiếp xuống: Là phần thứ ba (của phần “Chia chương để giải thích riêng” về dụ chung cho ba nghiệp), tóm kết, chỉ rõ có chỗ quy về. Tức là đã nêu rõ về văn gồm đủ, nên chẳng thể dùng dụ đầu dụ cho ý nghiệp, và đem dụ sau dụ cho Thân nghiệp, Ngữ nghiệp.

- Sở từ câu: “Thứ hai, từ câu “Thân luôn” tiếp xuống: Là bàn về Thân Uy thế của Phật, với tính chất thù thắng, siêu việt. Thân Uy thế là thân thứ hai, trong phần dựa theo mười đức để hiển bày riêng về mười Thân Phật:

Một: Ba nghiệp hiện bày khắp (Là Thân Bồ đề).

Hai: Uy thế thù thắng, siêu việt (Thân Uy thế).

Ba: Phước đức sâu rộng (Thân Phước đức).

Bốn: Tùy ý thọ sinh (Thân Ý sinh).

Năm: Tướng hảo viên mãn, hoàn bị (Thân Tướng hảo trang nghiêm)

Sáu: Thân Nguyệt diễn nói chánh pháp (Thân Nguyệt).

Bảy: Hóa thân tự tại (Là Hóa thân).

Tám: Pháp thân bao trùm khắp (Pháp thân).

Chín: Trí Thân đạt đến tận cùng ngọn nguồn của Tánh Tướng (Trí thân).

Mười: Thân Lực trì duy trì mình, người, y báo chánh báo (Thân Lực Trì).

Trước đã bàn về Thân Bồ đề, nay nói Thân Uy thế.

Vấn nơi bản Sở giải được chia làm ba:

Một: Nêu chương.

Hai: Từ câu: “Nghĩa là tùy theo” tiếp xuống: Là dẫn Luận để giải thích chung.

Ba: Từ câu: “Nói tất cả đạo tràng” tiếp xuống: Là lại dẫn văn để giải thích riêng.

Trong phần hai, tức là diệu dụng của Bình đẳng Tánh trí, dùng bốn Thân để làm rõ nghĩa, thì đây chính là Thân Tha thọ dụng. Tuy nói ở nơi quốc độ, nhưng ý chính là chọn lấy Thân. Luận Duy Thức quyển thứ mười viết: “Một là Thân Tha thọ dụng. Tức là chư Như Lai, do Trí Bình đẳng, thị hiện Thân công đức thanh tịnh, vi diệu, ở nơi cõi thuận thanh tịnh, vì chúng Bồ tát trụ nơi thập Địa, hiện bày thần thông lớn, chuyển pháp luân chân chính, trừ bỏ mọi lưới nghi ngờ khiến họ thọ dụng được pháp lạc lớn lao”.

**Giải thích:** Luận kia chỉ căn cứ nơi cõi thanh tịnh. Nay thì mười Thân viên dung, nhiệm tịnh cùng thông hợp, thấu triệt, nên so với Luận có chút ít khác nhau.

- Sở từ câu: “Nói tất cả đạo tràng” tiếp xuống: Là lặp lại kinh để giải thích riêng. Trên là theo nghĩa riêng phối hợp với Thân thọ dụng, là thuận theo Pháp tướng, trong đây dựa vào Thật nên nói mười Thân đều an toạ nơi đạo tràng.

Mà nói “Bốn nghĩa ấy là thuận hợp nên dẫn ra”, là thuận theo phần riêng của mười Thân. Nếu đem mười Thân phối hợp với mười đạo tràng, thì một, hai có thể nhận biết, ba tức là Thân Phước đức,

Thân Nguyên, Thân tướng hảo trang nghiêm. Do nơi Thân Phước đức nói: “Chỗ hành trì biến lớn các phước đức trong ba đời là muôn hạnh”. Nguyên là gốc của các hành, do hành bổ sung cho nguyên, mới có thể biến hiện khắp. Tướng hảo trang nghiêm là do hành mà thành tựu. Cho nên trong mười Phật, gọi là Nghiệp báo Phật, là do phước báo của muôn hạnh sự nghiệp nên đạt được tướng hảo. Như nói: “Trong biển kiếp lớn chẳng thể nghĩ bàn, đã từng cúng dường tất cả chư Như Lai. Do công đức bố thí khắp muôn loài, do đó, tướng hảo đoan nghiêm, không gì có thể sánh được v.v...” đều là nhờ nơi nhân mà tướng hảo được thành tựu.

Tuy nhiên, nói về “Pháp môn” (là đạo tràng thứ ba: Thân Pháp môn an tọa nơi muôn hạnh là đạo tràng), là Tông Thiên Thai dựa theo Luận Đại Trí Độ để đặt tên, tức là công đức Pháp thân. Bốn là Thân Huyền hóa, tức là Hóa thân. Ba loại Ý sanh thân, Huyền hóa thân và Lực trì thân đều thuộc về Hóa thân. Thân Bồ đề là chung, cũng thuộc chỗ thâm tóm của Hóa thân. Bốn Thân ấy (Trí Thân, Pháp thân, Pháp môn Thân, Huyền Hóa thân) gồm đủ chín Thân, kể cả Thân Uy thế kể sau là đủ mười Thân.

Trên là căn cứ theo phần riêng mà nêu bày, đã cho mười Thân là dung, thông viên mãn, theo đấy, chỉ nêu lên một Thân tức gồm đủ mười Thân, an tọa nơi một đạo tràng tức là an tọa nơi mười loại đạo tràng. Nay, theo Tướng để hiển bày nên nói không giống nhau. Đã rõ nơi chốn an tọa của mười Thân, phần tiếp theo sẽ giải thích riêng về nghĩa của sự an tọa biến hiện khắp.

- Sở câu: “Trí Thân an tọa biến hiện khắp Pháp tánh, là đạo tràng”: Là loại đạo tràng thứ nhất trong mười loại đạo tràng. Pháp tánh là đối tượng được chứng đắc, do Trí của chủ thể chứng đắc an lập nơi Lý.

- Sở câu: “Pháp thân chẳng phải là an tọa mà an tọa, là đạo Tràng”: Là đạo tràng thứ hai. Pháp thân đã không có chủ thể, đối tượng, nên viết là: “Chẳng phải là an tọa”. Sự an tọa của chẳng phải là an tọa, là sự an trụ yên định, tự tại, nên gọi là An tọa nơi đạo tràng.

- Sở câu: “Ba là, Thân Pháp môn an tọa nơi muôn hạnh là đạo tràng:” Là đạo Tràng thứ ba. Đây là ý từ kinh Tịnh Danh, chương Đồng tử Quang Nghiêm. Kinh nói: “Đức Phật bảo Đồng tử Quang Nghiêm: Ông hãy đến thăm bệnh nơi Trưởng giả Duy-ma-cật. Đồng tử Quang Nghiêm thưa: Thế Tôn! Con không đủ sức để đến thăm bệnh vị Trưởng giả ấy. Vì sao? Là vì con nhớ lại trước đây con đi ra thành lớn Tỳ-da-ly thì gặp Trưởng giả vừa vào thành này. Con thi lễ rồi hỏi: Cư sĩ từ đâu

đến đây? Trưởng giả đáp: Tôi từ đạo tràng đến đây. Con hỏi: Đạo tràng là chỗ nào? Trưởng giả nói: Tâm ngay thẳng (trực tâm) là đạo tràng, vì không giả dối. Phát khởi sự hành trì là đạo tràng vì có thể hoàn thành sự việc. Tâm sâu xa là đạo tràng, vì đã làm tăng trưởng công đức. Tâm Bồ đề là đạo tràng, vì không có nhàm lẩn. Bồ thí là đạo tràng, vì không mong cầu được đáp trả. Trì giới là đạo tràng, vì ý nguyện được đầy đủ. Nhẫn nhục là đạo tràng, vì đối với chúng sinh, tâm không chướng ngại. Tinh tấn là đạo tràng, vì không biếng trễ, thối lui. Thiển định là đạo tràng, vì tâm nhu hoà, thuận hợp. Trí huệ là đạo tràng, vì hiện thấy các pháp"... Nói rộng, cho đến nói: "Trong một niệm biết rõ tất cả các pháp là đạo tràng, vì thành tựu Nhất Thiết Trí. Như vậy, này Thiện nam! Bồ tát nếu thích ứng với các pháp Ba-la-mật để giáo hóa chúng sinh, thì mọi động tác nơi thân như đưa chân lên, hạ chân xuống, nên biết đều từ nơi đạo tràng mà đến, an trụ nơi Phật pháp".

**Giải thích:** Đồng Tử Quang Nghiêm đã dựa nơi Sự để hỏi về đạo Tràng là gì. Còn Cư sĩ Tịnh Danh thì dùng pháp để biểu thị. Muôn hạnh là nơi chốn của sự đạt đạo, tức là đạo Tràng. Cho nên viết: "Thân Pháp môn an tọa nơi muôn hạnh là đạo tràng."

- Sở câu: "Bốn là Thân Huyền hóa an tọa nơi ánh trăng trong nước, là đạo tràng": Kinh Niết-bàn có đoạn: "Ta nay, với thân này là Thân Huyền hóa, là nơi chốn của chỗ đắc đạo, như bóng trăng trong nước". Cho nên người xưa đã nói:

*"Tu tập muôn hạnh không hoa  
An tọa đạo tràng thủy nguyệt  
Hàng phục thiên ma cảnh tượng  
Chứng thành quả Phật mộng trung".*

Ý nói: "Hoặc nhân hoặc quả đều từ duyên sinh, như mộng huyền".

- Sở từ câu: "Nếu chính thức dựa nơi Thân uy Thế" tiếp xuống: Là biện giải riêng về phần hai của mười Thân, an tọa nơi sáu loại đạo Tràng. Chính là từ hẹp đến rộng. Uy Thế đã chung cho Thân Biến hóa, Tha thọ dụng. Căn cứ nơi các cõi dần dần rộng, biến hiện khắp Pháp giới, cho đến trùng trùng vô tận.

- Sở câu: "Như Phẩm Danh Hiệu v.v... nêu giảng": Là nói đến đạo tràng thứ năm: "Biến hiện khắp tất cả thế giới cùng loại là đạo tràng". Nói "vân vân" (đẳng) là cùng chọn lấy nơi Phẩm Tứ Thánh đế, Phẩm Quang Minh Giác, cùng Phẩm Lên cõi trời Đạo Lợi. Nghĩa là biến hiện khắp pháp giới, cõi hư không, đều có trăm ức bốn cõi thiên hạ v.v.. một

loại tương tự nên Phật đều biến hiện khắp, đã như nêu dẫn ở phần trước, về phẩm Danh Hiệu, phẩm Tứ đế, đều trước thì nêu ra trăm ức, sau thì tóm kết về sự biến hiện khắp, đều có trăm ức mười ngàn tên gọi, nên biết đều là cảnh giới cùng loại. Năm loại đạo tràng còn lại, đến phần tiếp dưới sẽ bàn rộng.

- Số câu: “Nói trong chúng Bồ tát...” Tức dùng văn ấy để hiển bày về Thân uy Thế này ánh sáng che lấp cả chúng Bồ tát.

- Số câu: “Núi ánh sáng khi hiện bày khi chìm mất”: Nghĩa là núi ánh sáng hiện bày, chìm mất, như Hóa thân an tọa nơi đạo tràng.

Nói “không Ẩn giấu, hiện bày”: Tức Pháp thân an tọa nơi đạo tràng.

Từ câu: “Chốn chốn hoàn toàn hiện bày” tiếp xuống: Tức là Báo thân an tọa nơi đạo tràng, do tức ứng hiện tức chân thật, tùy thuận nơi chốn tức đều hoàn toàn không khác với Thế.

- Số từ câu: “Ánh sáng lớn hiện bày khắp cõi không” tiếp xuống: Là chính thức giải thích về tính chất Uy thế. Ánh sáng lớn là mặt trời. Các thứ ánh sáng còn lại là mặt trăng, tinh tú v.v... Mặt trời dụ cho đức Như Lai. Mặt trăng dụ cho Bồ tát. Tinh tú v.v... Dùng dụ cho các chúng sinh khác. Chính thức dùng cho ánh sáng xâm đoạt, là nghĩa về Uy thế. Gồm việc Bồ tát chẳng thể lường tính, cũng là nghĩa về Uy thế.

Nói “Sự tỏa chiếu của mặt trời rực sáng khó có thể thấy được bờ bến của nó”: Tức là kệ tán của Bồ tát Thắng Lâm nơi Hội Dạ Ma. Kệ viết:

*“Ví như tháng đầu hạ  
Trời trong không mây che  
Mặt trời tỏa rạng rỡ  
Soi tỏ khắp mười phương  
Ánh sáng không hạn lượng  
Chẳng thể lường biết được  
Có mắt hãy còn thế  
Hướng chi kẻ mù tối  
Chư Phật cũng như thế  
Công đức không biên vực  
Kiếp chẳng thể nghĩ bàn  
Không thể phân biệt biết”.*

- Số từ câu: “Đã gọi là tỏa chiếu nơi thế gian” tiếp xuống: Là thông tỏ chỗ vướng mắc. Nghĩa là có người nêu câu hỏi: “Đã cho mười Thân là dung thông viên mãn, ứng hiện khắp tất cả, sao lại chỉ ở nơi

chúng Bồ tát? Nên nghĩa chọn lấy trong dụ như nói về vắng mặt trời xuất hiện, thì không nơi chốn nào là không đạt được lợi ích. Cho nên gọi là: “Đem lại lợi ích chung cho cả những kẻ mù loà bẩm sinh”. Cùng “Toả chiếu nơi núi cao là nói riêng về các Bồ tát” đều từ phẩm Xuất Hiện, như phần trước đã nêu dẫn.

- Sớ câu: “Nay, ba đời đã đoạn trừ”: Là bàn về Thân Phước đức sâu rộng (Thân thứ ba). Từ đây trở xuống là giải thích về nghĩa thanh tịnh. Nếu có tướng của ba đời tu tập về phước đức thì chẳng phải là thanh tịnh. Xứng hợp với pháp giới để tu tập nên không có ba đời. Nghĩa là không từ nơi đời trước lại. Chẳng phải là hưởng về đời sau đến. Chẳng ở nơi đời hiện tại. Pháp thân đã thanh tịnh vì đoạn trừ ba đời, thì phước đức há có thể lường tính? Muôn hạnh nêu trên, cấu nhiễm, tập khí nay đã dứt hết, nên gọi là thanh tịnh. Tức là hằng sa các thứ phiền não v.v.. Đều đã diệt sạch.

- Sớ câu: “Thứ tư, từ câu “Mà thường” tiếp xuống: Là tùy theo ý thọ sinh”: Tức là Thân ý sinh (Thân thứ bốn). Ý sinh có hai nghĩa:

Một là dụ: cũng như sự vận hành của ý rất mau chóng, không chướng ngại.

Hai là Pháp. Nghĩa này có hai chi tiết: Một là tự ý. Hai là theo ý của người khác.

Tóm tắt tức là tùy theo tính chất mau chóng của ý mà thành tự. Các nghĩa khác đến Phẩm Hồi Hương sẽ biện giải.

- Sớ câu: “Nghĩa là từ bi, trí tuệ thường cùng tương ứng”: Đây tức là diệu dụng của Bình đẳng Tánh trí. Trở xuống là phần phối hợp thuộc về Hóa thân, lược nêu lên một tướng. Thật sự thì thân ấy cũng chung cho Thân tha thọ dụng, chỗ sinh là tùy theo ý của Bồ tát thập Địa mà sanh ra. Lại, bi, trí cùng dẫn dắt chung cho sự ứng hóa và diệu dụng. Hóa thân là dụng lớn của Niết-bàn vô trụ.

- Sớ câu: “Cảm mà liền thấu được”: Tức là ý nơi phần Hệ Từ truyền của sách Chu Dịch: “Dịch không nghĩ ngợi gì cả, không làm gì cả, yên lặng, không động. Nó chỉ cảm mà thấu được các biến cố trong thiên hạ. Nếu nó không phải là cái thần diệu tột bậc trong thiên hạ thì đâu làm được như vậy?” (dịch vô tư giả, vô vi giả, tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông thiên hạ chi cố. Phi thiên hạ chi chí thần, kỳ thực năng dự ư thử?)

**Chú giải:** “Chí thần” là yên lặng mà không gì là không ứng hợp. Ở đây là chỉ cho mẹ của mọi công dụng, là chỗ phát sinh của tượng số. Ý nhằm biện minh phải quên mất hình tượng mới có thể tạo ra hình



tượng, phải bỏ số thì mới có thể đạt tới số tột bậc. Chẳng phải là động thì mới ứng hợp với động. Đây là nhấn mạnh tính chất rỗng lặng, vô vi của dịch, không động nên mới có thể không gì là chẳng động. Nay mượn lời ấy để so sánh với Như Lai, trong thì Thể tịch tĩnh viên mãn, ngoài thì ứng hợp với muôn loài... tức là Pháp thân không sinh mà không nơi chốn nào là không sinh.

- Số câu: “Tức Thân Nguyện diễn nói giáo pháp” Là nói về Thân Nguyện (Thân thứ sáu. Thân thứ năm là Thân Tướng hảo trang nghiêm, vẫn nơi bản Sở giải có thể nhận biết nên tác giả đã lược bớt).

Phần bàn về Thân thứ sáu có ba chi tiết:

Một: Nêu ra, chỉ rõ. “Nghĩa là mưa xuống trận mưa pháp lớn dứt trừ tất cả mọi nghi ngờ”, là dẫn văn nơi điều Quan sát trí của Luận Duy Thức để giải thích đầy đủ về nghĩa ấy.

Hai: Từ câu: “Cho nên phần kinh tiếp dưới có đoạn” Là dẫn kinh văn để chứng minh một cách đầy đủ.

Ba: Từ câu: “Tuy nhiên, hai câu kinh, trước là Pháp, sau là dụ” tiếp xuống: Là lại dẫn kinh để giải thích lần nữa.

Trong phần ba gồm có năm ý:

Mây là dụ cho Pháp thân. Mưa là dụ cho thuyết pháp. “Pháp dụ cùng bổ sung cho nhau”. Nhưng nơi Tướng thứ mười của phẩm Xuất Hiện phần Ngữ nghiệp (Phẩm Xuất Hiện), trong dụ về Long Vương Sa-kiệt-la tuôn mưa xuống, có nói rộng về sắc mây nơi các xứ chẳng giống nhau. Mưa cũng đều khác biệt. Trong phần kết hợp, nêu: “Phật tử! Như Lai ứng chánh đẳng giác là bậc pháp vương vô thượng cũng lại như vậy. Nhằm đem chánh pháp giáo hóa chúng sinh, nên trước là hiện bày vô số thân trùm khắp pháp giới, tùy theo chỗ mong cầu của chúng sinh mà thị hiện không giống nhau. Đó là, hoặc vì chúng sinh nên hiện vô số Thân ý sinh. Hoặc vì chúng sinh nên hiện vô số Hóa thân, hiện vô số Thân Lực Trì, vô số Sắc Thân, vô số Thân Tướng hảo, vô số Thân Phước đức, vô số Thân Trí tuệ, vô số Thân các lực chẳng thể hủy hoại, vô số Thân Vô úy, vô số Thân Pháp giới...”. Tiếp theo, nói: “đã hiện bày tướng ấy rồi, thì tất cả chúng sinh, thân tâm đều thanh tịnh, sau đấy, từ nơi các vầng mây đại Pháp thân, đại từ bi, chẳng thể nghĩ bàn rộng lớn, tuôn xuống trận mưa pháp mênh mông chẳng thể nghĩ bàn, khiến cho tất cả thân tâm của chúng sinh đều được thanh tịnh, đó chính là Bồ tát an tọa nơi Bồ đề tràng, mưa xuống trận mưa pháp lớn, gọi là “Pháp giới không sai biệt”.. Cho nên biết, mây là dụ cho Pháp thân, mưa là dụ cho sự thuyết giảng chánh pháp.

Nói “Pháp, dụ bổ sung cho nhau”: Trong pháp chỉ có pháp được nêu giảng. Trong dụ chỉ có mây được dấy khởi. Nếu gồm đủ thì phải nói: “Hóa thân hiện rộng khắp, diễn nói tất cả pháp, như hiển bày đám mây lớn, tuôn xuống trận mưa pháp lớn”.

- Sớ câu: “Lại, trước là nổi lên đám mây từ. Sau là tuôn xuống trận mưa pháp”: Là ý thứ hai, cũng là văn nơi phẩm Xuất Hiện đã nêu dẫn ở trên.

- Sớ câu: “Một mây một mưa mà đối tượng được thấm nhuần chẳng giống nhau”: Là ý thứ ba, tức là văn nơi Phẩm Dược Thảo dụ của kinh Pháp Hoa. Kinh viết: “Chỗ mưa xuống của một vầng mây xứng hợp với tánh của hạt giống gieo trồng nên được sinh trưởng. Hoa quả, hạt trái, tuy từ một thứ đất sinh ra, được tưới tắm từ một thứ mưa, mà các loại cây cỏ đều có sự khác biệt”, là dụ. Phần kết hợp, nêu: “Ca diếp nên biết! Như Lai cũng lại như thế. Xuất hiện ở đời như đám mây lớn dấy khởi, dùng âm thanh lớn, biến hiện khắp thế giới của Trời, người, A-tu-la, như đám mây lớn kia che trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới”.

**Giải thích:** Phần trên là kết hợp về mây.

Đoạn tiếp theo nói: “Như Lai bấy giờ, xem xét các chúng sinh ấy, với căn trí lanh lợi, chậm lụt, tinh tấn, biếng trễ, tùy theo khả năng nhận lãnh được của họ mà thuyết giảng vô lượng, đủ loại giáo pháp, đều khiến được hoan hỷ, vui thích vì đạt được lợi lạc tốt đẹp”.

**Giải thích:** Phần trên là kết hợp về mưa.

Do đâu mà nhận biết về hai điều ấy? Phần tiếp theo có đoạn: “Như Lai biết rõ pháp ấy là một tướng, một vị, là tướng giải thoát, tướng xa lìa, tướng tịch diệt, rốt ráo đạt đến Nhất Thiết Chứng Trí”. Tức là nghĩa của “một mây một mưa”.

Kệ nói:

*“Chỗ hiện mây kia  
Nước của một vị  
Cây cỏ, rừng rậm  
Theo phần thấm nhuần”.*

Cũng là chỗ nhuần thấm của “một mây một mưa” chẳng đồng...

- Sớ câu: “Cũng tùy theo căn trí của muôn loài, nên mây mưa đều khác”: Là ý thứ tư, cũng là ý từ phẩm Xuất Hiện. Trên dẫn kinh Pháp Hoa, nói về mây mưa là một mà chỗ nhuần thấm chẳng giống nhau, dụ cho Thân Phật giảng nói pháp từng không có sai biệt, sai biệt là ở nơi muôn loài. Nay, nêu rõ Phật có thể gồm đủ sự khác biệt. Nghĩa là hiện

bày mười thứ “Thân mây” sai khác, tuôn xuống mười trận mưa pháp, như Long Vương Sa Kiệt La nổi mây. Hoặc hiện bày màu sắc sáng rỡ của vàng Diêm-phù-đàn. Hoặc hiện bày màu sắc sáng trong của Tỳ Lưu-ly. Hoặc hiện bày màu sắc sáng loáng của bạc trắng. Hoặc hiện bày màu sắc sáng trong của Pha lê..” Tức là mây chẳng giống nhau. Đoạn tiếp theo nói: “Đó là ở trong biển cả, mưa xuống nước thanh tịnh gọi là “không đoạn tuyệt”. Ở nơi cõi trời Tha Hóa Tự Tại mưa xuống vô số các thứ âm nhạc như tiếng sáo tiếng tiêu v.v... gọi là “Hết sức tốt đẹp v.v...” Tức là mưa chẳng giống nhau. Cho nên viết là: “Mây mưa đều khác”.

- Sở câu: “Bao trùm các cảnh giới che phủ mặt trời, che phủ khắp mà vô tâm”: Là ý thứ năm, văn thuộc kinh Thập Địa, cùng ý của kinh Pháp Hoa, địa Pháp Vân nêu rõ: “Phật tử! Bồ tát ở địa này, dùng nguyện lực của chính mình đẩy khởi vầng mây đại bị, khu vực vang tiếng sấm pháp lớn; sự sáng tỏ thông hợp, không sợ hãi dùng làm ánh sáng điện chớp; phước đức, trí tuệ chính là những cụm mây dày, hiện ra đủ thứ đủ loại Thân qua lại, lui tới xoay vòng, trong khoảnh khắc một niệm biến hiện khắp mười phương quốc độ nhiều như số hạt bụi trong trăm ngàn ức na do tha thế giới, diễn nói pháp lớn, chế ngự hàng phục các thứ ma oán. Lại vượt hơn số lượng ấy, ở nơi vô lượng quốc độ nhiều như số hạt bụi trong trăm ngàn ức na do tha thế giới, tùy theo chỗ ưa thích nơi tâm của các chúng sinh, tuôn xuống trận mưa cam lồ, diệt trừ hết thảy mọi ngọn lửa phiền não vi tế. Do đó, địa này được gọi là Pháp Vân”.

**Giải thích:** Đây tức là nghĩa “bao trùm các cảnh giới, che phủ khắp”. Nghĩa về “vô tâm” thì nêu bày chung. Phẩm Xuất Hiện có đoạn: “Lại nữa Phật tử! Ví như trong biển có Long Vương lớn tên là đại Trang Nghiêm, lúc ở nơi biển cả tuôn mưa, hoặc tuôn xuống mười thứ mưa trang nghiêm, hoặc trăm, hoặc ngàn, hoặc trăm ngàn thứ mưa trang nghiêm. Phật tử! Nước ấy không phân biệt, chỉ do Long vương, với diệu lực chẳng thể nghĩ bàn khiến cho nước ấy trang nghiêm, cho đến với trăm ngàn, vô lượng sự sai biệt. Như Lai Ứng đấng Chánh giác cũng lại như thế. Lúc vì chúng sinh thuyết giảng chánh pháp, hoặc dùng mười thứ âm thanh sai biệt để diễn nói. Hoặc trăm, ngàn, hoặc trăm ngàn, hoặc dùng tám vạn bốn ngàn thứ âm thanh để giảng nói tám vạn bốn ngàn thứ Hành, cho đến hoặc dùng vô lượng trăm ngàn ức na do tha âm thanh, đều riêng khác để giảng nói, khiến cho người nghe đều sinh hoan hỷ, mà âm thanh của Như Lai không hề có sự phân biệt. Chỉ do

chư Phật, từ pháp giới sâu xa, thanh tịnh viên mãn, có thể tùy theo chỗ thích nghi nơi căn trí của chúng sinh, phát ra vô số âm thanh ngôn từ, đều khiến cho chúng sinh được hoan hỉ v.v...” tức là nghĩa vô tâm. Như trong dụ về Long vương Sa-kiệt-la làm nổi mây cũng nói: “Tuy Long vương ấy với tâm bình đẳng không có phân biệt đây, kia, nhưng vì do thiện căn của chúng sinh không giống nhau nên có sự sai biệt”, cũng là nghĩa vô tâm. Kinh Pháp Hoa cũng nói: “Ta không hề tham chấp, cũng không bị hạn chế, ngăn ngại”. Lại nói, “Cùng mưa xuống trận mưa pháp mà không hề chán mệt...”, đều là nghĩa về vô tâm.

- Sở từ câu: “Nghĩa là ở nơi chúng hội lớn” tiếp xuống: Là nói về Hóa thân (thân thứ bảy), tức dẫn văn nơi phần diệu dụng của diệu Quan sát trí thuộc Luận Duy Thức để giải thích đầy đủ về Hóa thân.

- Sở câu: “Trước nêu rõ về dung lượng lớn lao”: Tức pháp giới như hư không có hai nghĩa:

Một: Dung lượng rộng lớn.

Hai: Biến hiện khắp.

Nay nói một hạt bụi cũng như chỗ bao hàm của pháp giới, tức là dung lượng rộng lớn.

- Sở từ câu: “Do dung lượng rộng lớn nên sự biến hiện khắp không bị chướng ngại” tiếp xuống: Là nêu ra lý do trong sợi lông có thể điều phục chúng sinh. Nghĩa là, dung lượng rộng lớn thì gồm thâu pháp giới vào một sợi lông. Biến hiện khắp thì nơi một sợi lông mở ra rộng khắp pháp giới. Nay, lúc sợi lông chính thức dung nạp vô biên các cõi, tức là biến hiện khắp, nên biến hiện khắp trong các cõi của đối tượng được dung nạp.

- Sở từ câu: “Như biến hiện rộng khắp mười phương, thị hiện” tiếp xuống: Là phần hai (phần một là “Trước nêu rõ về dung lượng lớn lao”), nêu lên sự so sánh để giải thích. Nghĩa là trong sợi lông còn biến hiện khắp, hướng hồ là ở bên ngoài. Văn dẫn nơi bản Sở giải là phần nói về diệu dụng của Trí Thành sở tác.

- Sở “Câu Pháp thân bao trùm khắp” (Pháp thân di luân) Là nói về Pháp thân (Thân thứ tám). Câu này là nêu chương. Di Luân nghĩa là biến hiện khắp, bao hàm rộng lớn. “dùng pháp làm thân”: Phần này gồm hai: Một là, nêu rõ Pháp thân của Pháp tánh biến hiện khắp, không có đến đi, qua lại. Hai là, từ câu: Dựa nơi pháp để hiện bày sắc”, là căn cứ nơi Pháp thân ứng hóa, biện minh lý do của sự không lại qua, đi đến. Là do phần tiếp dưới sẽ dùng ba Thân để thâu tóm, do đấy thuộc về Hóa thân.

- Số câu: “Thân Lục trì..” Là nói về Thân Lục Trì (Thân thứ mười. Thân thứ chín là Trí Thân, tác giả đã lược bớt không bàn đến). Văn nơi bản Số giải có hai: Một là chính thức giải thích về Thân Lục trì. (Có khả năng duy trì y báo, chánh báo của chính mình và người khác).

- Số từ câu: “Phần trên là căn cứ nơi mười Thân” tiếp xuống: Là phần hai, dùng ba Thân để thu tóm. Gồm năm chi tiết:

1. Chính thức dùng ba Thân, bốn Thân để thu tóm mười Thân.
2. Nêu ra lý do của việc thu gọn.
3. Phân biệt về Quyền, Thật.
4. Dung hợp quốc độ cùng Thân.
5. Tóm kết, tán thán về chỗ khó nghĩ bàn.

Một: Dùng ba Thân, bốn Thân để thu gọn:

Như thế thì mười Thân đối chiếu với ba Thân có chung có riêng. Thân Bồ đề là chung. Cũng là Hóa thân. Trong chín Thân còn lại thì Thân Nguyên, Thân Hóa, Thân Lục Trì, đây chỉ là Hóa thân. Thân ý sinh, Thân uy Thế chung cho Thân Tha thọ dụng cùng Thân Biến hóa. Thân Phước đức, Thân Trí Tuệ và Thân Tướng hảo thì chung nơi hai Thân: Báo Thân và Thân Biến hóa, Pháp thân thì riêng nơi Pháp tánh. Nay, lại chọn lấy tính chất thuận theo thứ tự nên phối hợp như thế. Sở dĩ Thân Bồ đề ở trước lại biện minh về Chân Thân, Pháp thân ở phần cuối lại nêu rõ về Sắc thân là nhằm thuận theo chỗ phối hợp của thứ tự hiện nay.

Hai: Số câu: “Do trong các giáo nói về ba Thân, bốn Thân...” Là nêu ra lý do của sự gồm thâu. Nghĩa là, có người nêu câu hỏi: “Do đâu lại dùng ba Thân để thu gọn mười Thân?” Nên nay cần giải thích: “Do các giáo nói về ba Thân, bốn Thân hoàn toàn chẳng đồng. Nay làm rõ tính chất dung thông viên mãn, nói một Thân là gồm đủ ba Thân. Tức quyền, thật có sự sai biệt. Nói “Ba Thân hình thành khác nhau”: Pháp thân thì không hình thành, song nêu ra chương ngại là hình thành. Báo thân với bốn Trí mới viên mãn là hình thành. Hóa thân với tám tướng nơi cội Bồ đề là thành tựu. “Ba thân nêu giảng khác nhau”: Pháp thân không nêu giảng. Báo thân thì Phật Phật tướng kiến nên cũng không có thuyết giảng. Hóa thân có nêu giảng. Nếu thu tóm gọn để quy về gốc, thì ứng hóa chẳng phải là Phật chân thực, cũng chẳng phải là người thuyết pháp, tức Báo thân nêu giảng. Báo thân đồng với đối tượng được chứng đắc là Pháp thân nêu giảng.

Nói “bốn Thân hình thành, nêu giảng khác nhau”: Tức ở trong Báo Thân chia ra Thân Tự thọ dụng và Tha thọ dụng. Thân Tự thọ dụng



biến hiện khắp Pháp giới mà hình thành, nên không có chỗ nêu giảng. Thân Tha thọ dụng là thập Địa thành tựu, là thập Địa nêu giảng. Nếu dựa vào kinh Lăng Già thì bốn Phật đều nêu giảng mà giảng nói chẳng đồng. Bốn Phật là: Hóa Phật, Báo sinh Phật, Như Như Phật và Trí Tuệ Phật. Phật thứ nhất là Hóa thân. Phật thứ hai là Báo thân. Hai Phật sau là Pháp thân. Phật Như Như và Trí Như Như là Pháp thân Phật. Cũng có thể cho Trí cũng là Báo thân, là Tự thọ dụng.

Nói “Thuyết giảng khác nhau”: Hóa thân nói về Thí, Giới và pháp nhân duyên. Báo thân Phật nói về pháp ba Tánh. Nghĩa là vì các Bồ tát trên địa nêu giảng khiến thành Phật. Pháp thân Phật chỉ nói về lìa tự tánh của Tâm, tức do “vô niệm” mà hợp nơi pháp giới. Do vậy, Pháp thân Phật chỉ nói về Pháp tánh. Về Trí Phật nêu giảng, thì dựa nơi pháp giới thanh tịnh, thấu rõ tướng nơi Trí, Giác. Như nêu giảng mà lãnh hội, nên gọi là thuyết giảng.

Ba: Sở từ câu: “Mười Thân là chính” tiếp xuống: Là chi tiết ba, phân biệt rõ về Quyền, Thật.

Bốn: Sở từ câu: “Lại như trong sợi lông điều phục chúng sinh” tiếp xuống: Là dung hợp quốc độ cùng với mười Thân. “Trong sợi lông điều phục chúng sinh”, tức có: Thân chúng sinh, Thân Thanh văn, Thân Duyên giác, Thân Bồ tát cùng Thân Nghiệp báo. “Trong ánh sáng giữ lấy cõi” là Thân quốc độ. “Như hư không biến hiện khắp” là Thân hư không. Trong chúng Bồ tát nêu trên cũng là Thân Bồ tát, Như Lai hiện rõ có thể nhận thấy.

Nói “Ba thứ thế gian đều viên dung, há với Báo thân, Hóa thân mà cho là khác biệt?": Tức trong mười Thân, thì Thân chúng sinh, Thân Nghiệp báo là Thế gian chúng sinh. Thân quốc độ, Thân Hư không là khí thế gian. Còn lại là Thế gian của bậc Trí Chánh giác. Ba thứ thế gian ấy, sự khác biệt của Hữu tình, phi tình, của nhiễm, chẳng phải nhiễm, còn được xem là một, há một Thân Như Lai hơn hết mà phân ra Báo Thân, Hóa thân khác nhau ư? Nên biết rõ phương tiện nói về sự cách biệt khó có thể so sánh với tính chất viên dung ở đây.

